



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2.1.1/SMBĐ-CBTT

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 04 năm 2021

V/v: Công bố thông tin trên TTCK

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (PVSB)
2. Mã chứng khoán đăng ký giao dịch: PSB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3628188 Fax: 0254.3628189
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Văn Lập
6. Nội dung thông tin công bố: Nghị quyết và Biên bản đại hội cổ đông 2021

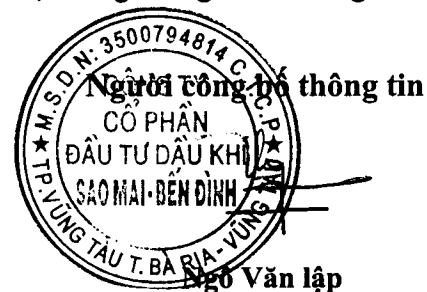
Nghị quyết số 27/NQ- SMBĐ-ĐHĐCĐ và Biên bản số 238/BB-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (PVSB) xin gửi kèm tài liệu nêu trên đến Quý cơ quan và đăng tải trên trang thông tin của Công ty tại địa chỉ: www.pvsb.com.vn theo đúng quy định.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- TBKS Cty (để b/c);
- Ban GD Cty;
- Ban BTT Website;
- Lưu VT; NTH (scan).



Tầng 16 số 09 Hoàng Diệu, Phường 1, Vũng Tàu
Tel: (+84) 6253375; Fax: (+84) 6253374;
Website: <http://www.pvsb.com>. Email: saomaibendinh@pvsb.com.vn;

PVSB-DOC-WI01-FM 11/01/2016

Số 27/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ

TP. Vũng Tàu, ngày 15 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB);

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 15/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình;

Căn cứ Biên bản số 238/BB-SMBĐ-ĐHĐCĐ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ngày 15/04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Giám đốc, Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Thông qua việc Trích lập dự phòng phải thu quá hạn khó đòi bổ sung thêm vào báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải Sài Gòn (SOFEL) cho năm 2018 với số tiền: 10.487.237.016 đồng (Mười tỷ bốn trăm tám bảy triệu hai trăm ba bảy ngàn không trăm mười sáu đồng) tương ứng 77,5% tổng số nợ của Công ty này (cụ thể tại Báo cáo số: 139/BC-HĐQT ngày 11/03/2021 của Hội đồng quản trị).

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 141/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 142/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2020:	2.499.559.703
	Trong đó trích lập các quỹ năm 2020:	

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% x LNST):	249.955.970
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2020:	8.560.777.313
3	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021 (2-3):	8.560.777.313

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án phân phối lợi nhuận còn lại chưa phân phối phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và đầu tư của Công ty

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,000
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	51,000
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	167,800
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,120
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,860
5	Lợi nhuận 2020 chuyển qua	Tỷ đồng	8,560
6	Tổng lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	9,420
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% x LNST 2021)	Tỷ đồng	0,086
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021	Tỷ đồng	9,334

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty chủ động lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tiền gửi, mua bán chứng chỉ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn; Lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng; Cầm cố tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng trên nguyên tắc bảo toàn vốn, đảm bảo hiệu quả, lợi ích mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty; Thời hạn ủy quyền năm tài chính 2021.

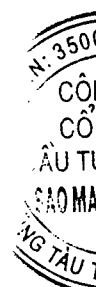
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách các Công ty kiểm toán theo Tờ trình số 143/TTr-BKS ngày 11/03/2021 của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Thông qua mức thù lao và chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021.

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty PVSB.
- Quy chế lương của Công ty và các quy định, hướng dẫn hiện hành.



[Handwritten signature]

2. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2021 thực hiện theo Quy chế lương và các quy định, hướng dẫn liên quan.

3. Thù lao cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2021:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm là: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm với mức là: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Mức thù lao trả cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm nêu trên, phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và không áp dụng đối với CBCNV Tổng công ty PTSC cũ, giới thiệu kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên tại PVSb.

Chi phí hoạt động cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2021: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ, phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với Quy định hiện hành.

Điều 6. Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình nội dung theo Tờ trình số 145/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT thay thế cho điều lệ Công ty ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-SMBĐ-DHĐCĐ ngày 08/04/2019.

Điều 7. Phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình theo Tờ trình số 146/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT.

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty được phép chủ động sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình theo Tờ trình số 147/TTr-BKS ngày 11/03/2021 của Ban kiểm soát:

Ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty được phép chủ động sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thông qua việc miễn nhiệm đối với ông Nguyễn Lê Phương - Thành viên HĐQT Công ty, đại diện cổ đông Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh và bầu ông Đặng Thanh Hải đại diện cổ đông Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh làm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên có liên quan, các nội dung của Nghị quyết này có thể được ban hành riêng rẽ thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

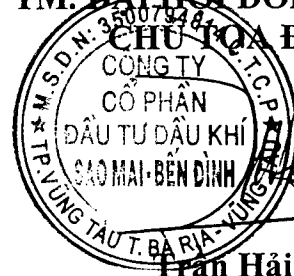
19487
CÔNG TY
PHẦN
ĐẦU TƯ
BẾN ĐÌNH
BÀ RỊA

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành quyết nghị này.

Nơi nhận:

- Như điều 10;
- Cổ đông công ty;
- Ban biên tập Website;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Người công bố thông tin;
- Lưu VT, ĐHĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Trần Hải Bình



Số: 238/BB-SMBĐ-ĐHĐCĐ

TP. Vũng Tàu, ngày 15 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Tên Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
Địa chỉ : Số 65A3 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.
Giấy chứng nhận ĐKKD : 3500794814 do Sở KH & ĐT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 07/05/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018.
Thời gian : 08 giờ 30 thứ Năm, ngày 15 tháng 04 năm 2021.
Địa điểm : Hội trường Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí, số 65A2 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

A. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I. Phần nghi thức Đại hội:

1. Tuyên bố lý do khai mạc Đại hội, giới thiệu thành phần tham dự.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông: Thay mặt Ban thẩm tra tư cách Cổ đông, Ông Nguyễn Trung Hiếu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

- Tổng số cổ đông của Công ty tại thời điểm ngày 22/02/2021 theo danh sách của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam là 10.373 Cổ đông tương ứng với 50.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ.
- Số Cổ đông và Người được ủy quyền dự họp có mặt tại Đại hội lúc khai mạc là 22 người, sở hữu 37.948.215 cổ phần chiếm tỷ lệ 75,90% vốn điều lệ.

Căn cứ Khoản 1, Điều 145 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Khoản 1 Điều 20 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty SMBĐ, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Giới thiệu quy chế làm việc; thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu:

Thay mặt Ban tổ chức, ông Đào Văn Cường – Phòng Tổ chức Hành chính Công ty trình bày dự thảo quy chế tại Đại hội; danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu. Đại hội đã thông qua với 100% biểu quyết tán thành:

PVSB-DOC-WI01-FM16 11/01/2016

- a. **Đoàn Chủ tịch** (gồm 03 thành viên):
1. Ông Trần Hải Bình - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa Đại hội;
 2. Ông Phùng Như Dũng - Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty- Thành viên
 3. Đặng Đức Hồi - Phó Giám đốc Công ty- Thành viên
- b. **Ban thư ký** (gồm 02 thành viên):
1. Ông Đỗ Hoàng Đạo - Trưởng ban;
 2. Bà Nguyễn Thạch Tường Anh - Thành viên
- c. **Ban kiểm phiếu** (gồm 03 thành viên):
1. Ông Nguyễn Duyên Hưng - Trưởng ban
 2. Bà Hoàng Thị Nga - Thành viên
 3. Bà Phạm Thị Hương Giang - Thành viên

4. Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội:

Thay mặt đoàn Chủ tịch, Ông Trần Hải Bình – Chủ tịch HĐQT đọc diễn văn khai mạc Đại hội và trình bày Chương trình làm việc, Đại hội đã thông qua với 100% biểu quyết tán thành gồm các nội dung như sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Giám đốc Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty.
- Các tờ trình về các nội dung cụ thể như sau:
 - + Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
 - + Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.
 - + Thông qua thù lao, chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2021.
 - + Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021.
 - + Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
 - + Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
 - + Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
 - + Thông qua việc miễn nhiệm và bầu Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

II. Phân trình bày các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội:



1. **Thay mặt Hội đồng quản trị, ông Trần Hải Bình - Chủ tịch HĐQT** báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (nội dung cụ thể tại Báo cáo số 139/BC-HĐQT ngày 11/03/2021). Đồng thời đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty chủ động lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tiền gửi, mua bán chứng chỉ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn; Lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng; Cầm cố tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng trên nguyên tắc bảo toàn vốn, đảm bảo hiệu quả, lợi ích mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty; Thời hạn ủy quyền năm tài chính 2021.
2. **Thay mặt Ban điều hành, ông Phùng Như Dũng – Giám đốc Công ty** báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty (nội dung cụ thể tại Báo cáo số 130/BC-SMBĐ ngày 10/03/2021).
3. **Thay mặt Ban kiểm soát, ông Ngô Văn Lập – Trưởng Ban kiểm soát** báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 (nội dung cụ thể tại Báo cáo số 140/BC-BKS ngày 11/03/2021).
4. **Thay mặt đoàn chủ tịch, ông Đặng Đức Hồi – Phó Giám đốc Công ty** trình bày các tờ trình ĐHĐCĐ thông qua một số nội dung sau:
 - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021.
 - Kế hoạch chi phí hoạt động và mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.
 - Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
 - Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
 - Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
 - Miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

(Nội dung các Báo cáo và Tờ trình đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử <http://www.pvsb.com.vn> và gửi trực tiếp cho các Cổ đông tham dự Đại hội).

III. Phần thảo luận các nội dung tại Đại hội:

Trong phần thảo luận, một số quý Cổ đông đã nhận xét ghi nhận những khó khăn và những cố gắng nỗ lực của Công ty và có ý kiến về một số vấn đề tại Đại hội như xem xét việc chia cổ tức; hiệu quả kinh doanh chưa cao, cần đầu tư vốn để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tiếp tục xem xét tiết giảm các chi phí Công ty, phương hướng phát triển Công ty đã đi đúng hướng chưa hay tiếp tục mở ra các lĩnh vực mới cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế....



Đoàn chủ tịch đã tiếp thu những ý kiến góp ý tại Đại hội và đã giải trình các ý kiến của quý Cổ đông: Năm 2020 tiếp tục là một năm khó khăn, dịch CoVid hoành hành trên toàn thế giới, thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo, thị trường dầu khí sụt giảm, nguồn việc không nhiều, lại phải cạnh tranh gay gắt.... Đứng trước các khó khăn như vậy, Công ty SMBĐ ngoài việc tìm kiếm đối tác để hợp tác, đầu tư, khai thác Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí SMBĐ, cũng đã tích cực mở rộng phạm vi kinh doanh, tham gia đa dạng lĩnh vực khác như: Kinh doanh thiết bị, cơ khí xây lắp, phân phối khí, phân phối phân đạm... nhằm mục đích đem lại doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Hiện tại Công ty đang xúc tiến làm việc với một số đối tác để cùng hợp tác đầu tư, vận hành, khai thác các lĩnh vực ngoài dầu khí như: Điện gió, chế tạo thiết bị công nghiệp....

Song song với việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh tăng doanh thu thì Công ty cũng đã chú trọng đến việc tiết giảm chi phí trong tất cả các lĩnh vực. Năm 2020 đã thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp nhằm tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí cho Công ty như: kiện toàn bộ máy tổ chức, cắt giảm lao động không cần thiết, giảm thu nhập của CBCVN cho phù hợp với tình hình thực tế; rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí hội họp, tiếp khách, văn phòng phẩm, nhiên liệu.... Mặt khác Công ty cũng đã phối hợp, hợp tác với các đơn vị bạn, cùng tận dụng lợi thế của nhau để liên doanh tham gia đấu thầu các dự án khác....

Các quý cổ đông không có ý kiến gì thêm.

IV. Phần biểu quyết tại Đại hội:

- Đại hội tiến hành biểu quyết từng nội dung đã được trình bày và thảo luận.
- Ông Nguyễn Duyên Hưng – đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu:

Phần kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình tại Đại hội

Số phiếu biểu quyết phát ra:	28 phiếu, tương ứng	37.961.718 cổ phần.
Số phiếu biểu quyết thu về:	26 phiếu, tương ứng	37.855.642 cổ phần.
Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	25 phiếu, tương ứng	37.854.712 cổ phần.
Số phiếu không hợp lệ:	01 phiếu, tương ứng	930 cổ phần.

Kết quả biểu quyết:

1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.852.134 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 2.578 Cổ phần chiếm 0,01%

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định phương án chia cổ tức căn cứ trên số dư lợi nhuận còn lại chưa phân phối phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình

PVSB-DOC-WI01-FM16 11/01/2016

tài chính và đầu tư của Công ty. Đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SXKD và đầu tư XD CB năm 2021 (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Số phiếu biểu quyết tán thành 35.352.134 Cổ phần chiếm 93,39%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 2.500.000 Cổ phần chiếm 6,60%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 2.578 Cổ phần chiếm 0,01%

3. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách như tờ trình để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật:

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.851.204 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 3.508 Cổ phần chiếm 0,01%

4. Thông qua Thù lao, chi phí hoạt động cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2021:

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.851.204 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 3.508 Cổ phần chiếm 0,01%

5. Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình:

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.851.204 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 3.508 Cổ phần chiếm 0,01%

6. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình:

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.851.204 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 3.508 Cổ phần chiếm 0,01%

7. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình:

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.851.204 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 3.508 Cổ phần chiếm 0,01%

8. Thông qua việc miễn nhiệm đối với ông **Nguyễn Lê Phương** - Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.



- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.852.134 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 2.578 Cổ phần chiếm 0,01%

9. Thông qua việc bầu ông **Đặng Thanh Hải** đại diện cổ đông Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh làm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022.

- Số phiếu biểu quyết tán thành 37.852.134 Cổ phần chiếm 99,99%
- Số phiếu biểu quyết không tán thành 0 Cổ phần chiếm 0,00%
- Số phiếu biểu quyết không có ý kiến 2.578 Cổ phần chiếm 0,01%

V. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội:

- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội; Căn cứ Điều 147 Luật Doanh Nghiệp;
- Căn cứ Điều 16, Điều 22 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, các vấn đề sau đây đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 quyết định:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Giám đốc, Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Thông qua việc Trích lập dự phòng phải thu quá hạn khó đòi bổ sung thêm vào báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải Sài Gòn (SOFEL) cho năm 2018 với số tiền: 10.487.237.016 đồng (*Mười tỷ bốn trăm tám bảy triệu hai trăm ba bảy ngàn không trăm mười sáu đồng*) tương ứng 77,5% tổng số nợ của Công ty này (cụ thể tại Báo cáo số: 139/BC-HĐQT ngày 11/03/2021 của Hội đồng quản trị).

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 141/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình số 142/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT cụ thể như sau:

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2020:	2.499.559.703
	Trong đó trích lập các quỹ năm 2020:	
a	Quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST):	-
b	Quỹ khen thưởng ban điều hành công ty (1% x LNST):	-
c	02 quỹ khen thưởng và phúc lợi(10% x LNST):	249.955.970
	<i>+/ Quỹ khen thưởng:</i>	-
	<i>+/ Quỹ phúc lợi:</i>	249.955.970

PVSB-DOC-WI01-FM16 11/01/2016



2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2020:	8.560.777.313
3	Cổ tức năm 2020	-
4	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021 (2-3):	8.560.777.313

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định phương án chia cổ tức căn cứ trên số dư lợi nhuận còn lại chưa phân phối phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và đầu tư của Công ty.

- Kế hoạch tài chính năm 2021:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,000
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	51,000
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	167,800
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,120
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,860
5	Lợi nhuận 2020 chuyển qua	Tỷ đồng	8,560
6	Tổng lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	9,420
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% \times LNST 2021)	Tỷ đồng	0,086
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021	Tỷ đồng	9,334

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty chủ động lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tiền gửi, mua bán chứng chỉ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn; Lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng; Cầm cố tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng trên nguyên tắc bảo toàn vốn, đảm bảo hiệu quả, lợi ích mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty; Thời hạn ủy quyền năm tài chính 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2021 (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

4. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách các Công ty kiểm toán theo Tờ trình số 143/TTr-BKS ngày 11/03/2021 của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thông qua mức thù lao và chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

* Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021.

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty PVSB.

- Quy chế lương của Công ty và các quy định, hướng dẫn hiện hành.

PVSB-DOC-WI01-FM16 11/01/2016

* Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2021 thực hiện theo Quy chế lương và các quy định, hướng dẫn liên quan.

* Thù lao cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2021:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm là: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm với mức là: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Mức thù lao trả cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm nêu trên, phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và không áp dụng đối với CBCNV Tổng công ty PTSC cũ, giới thiệu kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên tại PVSb.

Chi phí hoạt động cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2021: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ, phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với Quy định hiện hành.

6. Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình Trình số 145/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT.

7. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình Trình số 146/TTr-HĐQT ngày 11/03/2021 của HĐQT.

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty được phép chủ động sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty

8. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình theo Trình số 147/TTr-BKS ngày 11/03/2021 của Ban kiểm soát.

Ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty được phép chủ động sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

9. Thông qua việc miễn nhiệm đối với ông **Nguyễn Lê Phương** - Thành viên HĐQT Công ty, đại diện cổ đông Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh và bầu ông **Đặng Thanh Hải** đại diện cổ đông Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh làm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022.

B. PHẦN TỔNG KẾT ĐẠI HỘI:

1. Thông qua Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội:

Thay mặt Ban thư ký, Ông Đỗ Hoàng Đạo lên trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% nhất trí tán thành.

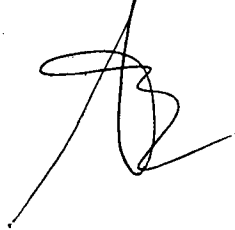
PVSb-DOC-WI01-FM16 11/01/2016

2. Bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Thay mặt Đoàn chủ tịch, Ông Trần Hải Bình – Chủ tịch HĐQT Công ty tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản và Nghị quyết Đại hội sẽ được sao gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

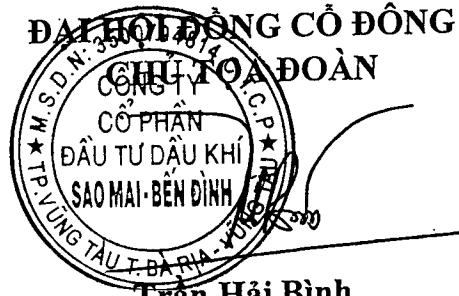
THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đỗ Hoàng Đạo



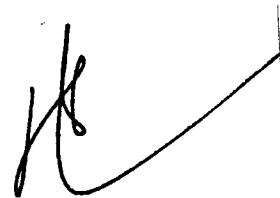
Nguyễn Thạch Tường Anh



Trần Hải Bình



Phùng Như Dũng



Đặng Đức Hồi



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động, công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Kính thưa đại hội, năm 2020 tình hình kinh tế xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua.

Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân.

Đối với ngành Dầu khí, năm 2020 tiếp tục là năm khó khăn khi phải đối mặt với tác động kép từ dịch Covid-19 và giá dầu phục hồi chậm làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và kết quả kinh doanh của toàn ngành nói chung, Tổng Công ty PTSC và các đơn vị trực thuộc nói riêng trong đó có Công ty SMBĐ, công ty con của PTSC (PTSC chiếm 51% vốn điều lệ).

Năm 2020, trước những tác động của dịch Covid-19 Hội đồng Quản trị đã nhận định những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty đó là:

- Sự phong tỏa của các nước có dịch làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến các dự án, nguồn việc của ngành dầu khí phải tạm dừng, giãn tiến độ, cạnh tranh gay gắt. Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác và phát triển mỏ gặp nhiều khó khăn, giá dầu và sản lượng tiêu thụ sụt giảm, tồn kho tăng cao, các hoạt động dầu khí ngoài khơi gặp nhiều áp lực...
- Việc tìm kiếm, thu hút khách hàng, nhà đầu tư của Công ty rất khó khăn do cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị còn thiếu nhiều, chưa đồng bộ, chưa có đường vào độc lập, chưa có cầu cảng, phương tiện xếp dỡ, đồng thời phải cạnh tranh với nhiều đơn vị trong và ngoài ngành như: PTSC Supply base, PVShipyards, PVC MS, VSP, Đông Xuyên... có hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ, giá thành thấp.

- Tình hình tài chính của một số đơn vị, khách hàng của Công ty trong và ngoài ngành tiếp tục gặp khó khăn, Công ty đã phải trích lập dự phòng tài chính, đồng thời chi phí khấu hao tài sản lớn trong khi chưa có khách hàng thuê kho bãi dẫn đến tình hình tài chính và công tác thu hồi công nợ bị ảnh hưởng.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, xin ưu đãi còn chậm, chủ trương, các thủ tục đầu tư phải thông qua nhiều cấp, nhiều giai đoạn nên bị kéo dài, ảnh hưởng đến cơ hội cũng như chiến lược kinh doanh của Công ty.

Trước khó khăn nêu trên, Hội đồng Quản trị đã tích cực hỗ trợ, quyết liệt chỉ đạo Công ty xây dựng, thực hiện các giải pháp cụ thể, tháo gỡ khó khăn, tập trung vào các nội dung công việc:

- Đôn đốc, chỉ đạo Ban điều hành tập trung, nỗ lực hoàn thành cao nhất kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Đẩy mạnh công tác marketing, kêu gọi tìm kiếm khách hàng và đối tác để thuê từng phần hoặc toàn bộ khu bãi 7ha. Chuẩn bị mọi nguồn lực sẵn sàng đầu tư phần diện tích còn lại (28ha), chuẩn bị phương án đầu tư hạ tầng, trang thiết bị... ngay khi có khách hàng.

- Tích cực phối hợp, tranh thủ sự ủng hộ của Tổng Công ty PTSC và các đơn vị bạn để tham gia đấu thầu các dự án. Rà soát, tối ưu hóa giá thành và phương thức kỹ thuật sản xuất... để tăng sức cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.

- Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong Tổng Công ty PTSC và các đơn vị khác như Vietsopetro, PVGas... để tìm kiếm thêm nguồn việc mới, duy trì nguồn lực, sẵn sàng tham gia vào các dự án.

- Thường xuyên cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với hệ thống của Tổng công ty và nhu cầu thực tế. Khuyến khích các sáng kiến, cải tiến trong tất cả các lĩnh vực hoạt động.

- Đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hợp đồng ký với khách hàng. Tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn lao động.

- Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, tuân thủ theo đúng quy định và quy chế công ty. Duy trì nguồn vốn và các hệ số tài chính an toàn, ổn định, luôn sẵn sàng khi có công việc.

- Cập nhật và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy định quản lý nội bộ.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo, bảo vệ sức khỏe và đời sống người lao động. Tích cực tham gia các phong trào, chương trình do Tập đoàn, Tổng công ty phát động.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020:

1. Tình hình nhân sự Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 04 thành viên bao gồm 03 thành viên đại diện cho PTSC và 01 thành viên độc lập đại diện cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại Việt Anh (Việt Anh), cụ thể:

1. Ông Trần Hải Bình	- Chủ tịch HĐQT	(Chuyên trách)
2. Ông Phùng Như Dũng	- TV HĐQT, Giám đốc	(Kiêm nhiệm)
3. Ông Nguyễn Việt Đạt	- TV HĐQT	(Kiêm nhiệm)
4. Nguyễn Lê Phương	- TV HĐQT	(Kiêm nhiệm)

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và các thành viên

- Công ty đã chi trả mức thù lao cho các thành viên HĐQT theo đúng quyết định của ĐHĐCĐ như sau:

+ Các thành viên HĐQT chuyên trách được Công ty trả lương theo quy chế lương của Công ty gồm:

Các thành viên kiêm nhiệm được Công ty chi trả thù lao theo mức 3.000.000đ 1 người/tháng.

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

- Chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của HĐQT trong năm 2020 luôn tuân thủ đúng theo các quy định, định mức, tiêu chuẩn, quy chế do Công ty ban hành cũng như các quy định của Tập đoàn, Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, người liên quan và công ty liên quan:

- Năm 2020 không có giao dịch nào giữa Công ty với các thành viên HĐQT và người liên quan, cũng như không có giao dịch nào giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp.

4. Về các công tác quản lý theo chức năng nhiệm vụ và kế hoạch đề ra

4.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên và các cuộc họp của HĐQT

- HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2020 và triển khai các nội dung nghị quyết đại hội cụ thể:

+ Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

+ Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch tài chính năm 2020.

+ Phê duyệt mức chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020.

+ Thông qua miễn nhiệm và bầu thành viên Ban Kiểm soát.

+ Chỉ định Công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Trong năm, trên cơ sở tình hình thực tế HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 02 lượt lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 05 Nghị quyết và 06 Quyết định *(chi tiết như Phụ lục đính kèm)*.

4.2. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020

Kết thúc năm 2020, trong bối cảnh tình hình khó khăn chung của toàn ngành Dầu khí, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát và phối hợp cùng Ban điều hành triển khai kế hoạch SXKD năm 2020, đề ra chương trình hành động và nhiều giải pháp thiết thực, phù hợp để tiết giảm tối đa các chi phí, huy động các nguồn lực, mở rộng thị trường, thúc đẩy SXKD. Kết quả thực hiện trong năm 2020 như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	So với KH (%)
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng		553,16	
-	<i>Trong đó vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	500	500	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	189,28	196,95	104
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,22	3,17	143

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	So với KH (%)
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,89	2,50	281
5	Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	1,14	0,51	45
6	Số lao động cuối kỳ	Người	85	81	95
7	Đầu tư xây dựng cơ bản				
-	Giá trị thực hiện	Tỷ đồng	25,57	17,00	66
-	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	26,68	16,82	63

(Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD chi tiết được thể hiện tại báo cáo số 130/BC-SMBĐ ngày 10/03/2021 của Giám đốc Công ty).

- Về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình:

Tại cuộc họp HĐQT quý II/2020, trên cơ sở báo cáo của Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện hỗ trợ, bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án và việc người dân khiếu kiện trong giai đoạn diễn ra Đại hội Đảng các cấp, do đó UBND thành phố Vũng Tàu đã đề nghị Công ty hỗ trợ kinh phí chi trả cho 10 hộ dân có đất thu hồi thuộc khu vực 1 và đường vào Dự án với số tiền là 15.622.230.240 đồng (Mười lăm tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu hai trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi đồng). UBND thành phố Vũng Tàu sẽ phối hợp làm các thủ tục với các cơ quan chức năng (UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Sở Tài chính, Cục thuế...) để khấu trừ số tiền trên vào tiền thuê đất của Công ty về sau. Sau khi xem xét Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 30/06/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và căn cứ vào Kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHCĐ phê duyệt, HĐQT đã thống nhất đồng ý cho phép Công ty chi trả tạm ứng kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào khu đất của Dự án. Đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc theo dõi, bám sát và làm việc với UBND thành phố Vũng Tàu và các cấp có thẩm quyền để sớm có văn bản chính thức về việc đồng ý khấu trừ số tiền hỗ trợ về đất vào tiền thuê đất phải nộp của Công ty.

4.3. Công tác nhân sự

- Ngày 18/01/2021, HĐQT và Công ty nhận được đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Lê Phương thành viên HĐQT (lý do cá nhân) và văn bản đề cử, thay thế người đại diện phần vốn của cổ đông lớn là Công ty TNHH SX-TM Việt Anh tại công ty PVSĐ. Sau khi xem xét và được sự thống nhất của các thành viên, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm tạm thời Ông Đặng Thanh Hải người đại diện phần vốn của Công ty TNHH SX-TM Việt Anh làm thành viên HĐQT Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2021.

4.4. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

- HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành chỉ đạo các bộ phận liên quan rà soát lại Điều lệ, các quy chế, quy định của công ty để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung

cho phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật. Nội dung sửa đổi chi tiết được thể hiện tại các tờ trình đính kèm.

4.5. Công tác quản lý vốn, Người đại diện phần vốn của Công ty

- Về hoạt động tài chính: Trong năm 2020, được sự cho phép của ĐHĐCĐ, HĐQT đã thống nhất đồng ý ủy quyền cho Giám đốc được chủ động lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tiền gửi, mua bán chứng chỉ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn; Lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng; Cầm cố tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng theo nghị quyết số 54/NQ-HĐQT ngày 05/06/2020. HĐQT đánh giá Công ty đã sử dụng và quản lý nguồn tiền nhàn rỗi một cách an toàn, hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho Công ty. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ tiếp tục giao cho Giám đốc được chủ động quyết định sử dụng và quản lý nguồn tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc bảo toàn vốn, đảm bảo hiệu quả, lợi ích và mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty.

- Bên cạnh việc quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn, HĐQT còn chỉ đạo Ban Giám đốc tích cực và cẩn trọng trong công tác quản lý, thu hồi công nợ đối với các khách hàng, trích lập dự phòng theo đúng quy định. Tại cuộc họp HĐQT quý III/2020, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xử lý nợ tại báo cáo số 780/BC-SMBĐ ngày 12/10/2020 về việc cho phép trích lập dự phòng phải thu nợ quá hạn của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí Hàng Hải (Sofel), sau khi xem xét, đối chiếu với các quy định hiện hành, HĐQT đã thống nhất tạm thời cho phép Ban điều hành được tạm trích lập dự phòng theo phương án: Trích lập dự phòng phải thu quá hạn khó đòi bổ sung thêm vào báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải Sài Gòn (SOFEL) cho năm 2018 với số tiền: 10.487.237.016 đồng (*Mười tỷ bốn trăm tám bảy triệu hai trăm ba bảy ngàn không trăm mười sáu đồng*) tương ứng 77,5% tổng số nợ của Công ty này để công ty hoàn thiện báo cáo tài chính quý III/2020, HĐQT sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông trước khi chính thức phê duyệt.

- Công tác quản lý vốn tại Công ty Sopewaco: HĐQT đã chỉ đạo sát sao Công ty và người đại diện phần vốn bám sát, theo dõi chặt chẽ, báo cáo kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty này. Đồng thời, tích cực tìm kiếm các đối tác, nhà đầu tư để thoái toàn bộ vốn tại công ty này theo chủ trương của ĐHĐCĐ.

4.6. Công tác tiết kiệm chống lãng phí

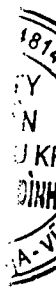
HĐQT đã ban hành chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020 của Công ty theo Quyết định số 60/QĐ-HĐQT ngày 05/06/2020. Trong năm Công ty đã tiết giảm được 0,61 tỷ đồng đạt 136% so với chỉ tiêu đề ra.

4.7. Các hoạt động khác

Ngoài việc chỉ đạo, giám sát và quản lý Công ty trong hoạt động điều hành SXKD, HĐQT cũng đã hoàn thành các công việc khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động của Công ty như:

- Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện tốt và đầy đủ như cung cấp Báo cáo Tài chính, báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên hàng năm ... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Thường xuyên cập nhật và đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.pvsb.com.vn đảm bảo tính công khai và minh bạch về hoạt động của Công ty.

- Phối hợp cùng Ban Kiểm soát chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Công ty trong các hoạt động như:



- + Giám sát việc huy động, sử dụng vốn và phân phối các nguồn lực của doanh nghiệp.
- + Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật của Nhà nước; Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị; Quy chế; Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT, Ban kiểm soát, ĐHĐCĐ và Tổng Công ty.
- + Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho người lao động.
- Tham gia và phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội khác trong và ngoài đơn vị để thực hiện tốt các hoạt động liên quan.

III. Hoạt động của các thành viên HĐQT và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2020

1. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

1.1. Ông Trần Hải Bình – Chủ tịch HĐQT:

- Chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực, hiệu quả tại các cuộc họp và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác lập kế hoạch, soạn thảo tài liệu và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát việc huy động, kinh doanh, sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2020 đã được HĐQT thông qua.
- Thay mặt HĐQT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.2. Ông Phùng Như Dũng – Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Phối hợp cùng HĐQT chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Tổ chức thực hiện và xử lý tốt các công việc liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2020 đã được ĐHĐCĐ giao.
- Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của HĐQT, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
- Thực hiện tốt công tác lập báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.



- Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành tốt chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2020 đã được HĐQT phê duyệt.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.3. Ông Nguyễn Lê Phương – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ 4/4 cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Xem xét, biểu quyết thông qua kế hoạch, nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Phối hợp cùng HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2020.
- Phối hợp cùng HĐQT đơn đốc ban Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- Phối hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2020 đã được HĐQT thông qua.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

1.4. Ông Nguyễn Viết Đạt – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ và có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực tại các cuộc họp của HĐQT và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Phối hợp, xem xét và đóng góp ý kiến về kế hoạch, nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Phối hợp cùng HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ năm 2020.
- Tích cực phối hợp cùng HĐQT đơn đốc, hỗ trợ, đề xuất các phương án, giải pháp cho Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 đạt hiệu quả cao.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu của Công ty.
- Phối hợp cùng HĐQT theo dõi, giám sát công tác thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2020 của Công ty.
- Thực hiện tốt phạm vi công việc đã được HĐQT phân công.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020

- HĐQT đã thực hiện tốt và đầy đủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động quản lý và điều hành Công ty, luôn đảm bảo đúng thẩm quyền và có hiệu quả.
- HĐQT đã thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng và phù hợp để kịp thời xử lý các công việc trong công tác điều hành. Đồng thời, luôn bám sát các mặt hoạt động của Công ty để

đưa ra các chủ trương, giải pháp, phương hướng thực hiện nhằm tháo gỡ khó khăn thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.

- Các thành viên HĐQT luôn làm việc với tinh thần cẩn trọng, trách nhiệm cao vì mục tiêu chung của Công ty và cổ đông, thực hiện đúng vai trò trách nhiệm của mình, hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho Ban Giám đốc và các tổ chức, đoàn thể thực hiện tốt công việc của mình.

- Năm 2020 mặc dù là một năm khó khăn nhưng với sự nỗ lực, đoàn kết, Công ty đã cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Năm 2021 được đánh giá là một năm khó khăn, thử thách. Vì vậy, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo Công ty quyết liệt hơn nữa trong việc nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD; công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, nguồn việc, sớm đưa vào khai thác khu bãi 7ha; rà soát, tối ưu hóa sản xuất và giá thành, kiện toàn tổ chức bộ máy hoạt động để tăng hiệu quả, năng lực cạnh tranh; đẩy nhanh tiến độ về các thủ tục đất đai, ưu đãi của dự án, chuẩn bị sẵn nguồn lực để tiếp tục đầu tư hạ tầng, thiết bị khi có thêm khách hàng để hoàn thành cao nhất kế hoạch được giao.

IV. Đánh giá kết quả hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành trong năm 2020

Năm qua, Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan nhưng vẫn còn chưa thực sự tương xứng với nguồn lực cũng như kỳ vọng và mong đợi của ĐHĐCĐ và Tổng Công ty. HĐQT đánh giá năm 2020 Giám đốc và Ban điều hành cũng đã bám sát tình hình thực tế, nỗ lực, chủ động, quyết liệt thực hiện các giải pháp, định hướng tốt hoạt động kinh doanh để hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao, cụ thể:

- Chủ động, linh hoạt điều hành hoạt động SXKD trong tình hình phức tạp của dịch bệnh, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp ứng phó với tình hình thực tế.

- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí của Công ty như: kiện toàn bộ máy tổ chức, cắt giảm lao động không cần thiết, giảm thu nhập; rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí...

- Tích cực trong công tác marketing, mở rộng thị trường và hoạt động kinh doanh, chủ động tìm kiếm khách hàng, nguồn việc mới cho Công ty.

- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới tác phong doanh nghiệp nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy.

- Nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty, đã và đang mang lại hiệu quả.

- Chế độ đãi ngộ và bảo vệ sức khỏe cho người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm, đời sống đầy đủ, chu đáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Giám đốc và Ban điều hành trong thời gian tới cần lưu ý và khắc phục các vấn đề sau:

- Cần theo dõi, bám sát tình hình kinh tế xã hội trong nước và trên thế giới nói chung và ngành dầu khí nói riêng để chủ động có các giải pháp trong hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế.

- Tối ưu hóa trong hoạt động quản lý, tổ chức, giám sát thi công và giá thành để tăng khả năng cạnh tranh, đạt hiệu quả cao trong sản xuất, kinh doanh tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

078
NG
PH
UD
AI-B
T. B

- Nghiên cứu, đề xuất các phương án cải thiện cơ sở hạ tầng, bến bãi, cầu cảng, trang thiết bị... để nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh.
- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để sớm hoàn thành các thủ tục liên quan đến đất đai, ưu đãi đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng... của dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Đa dạng hóa doanh thu của Công ty, tránh phụ thuộc nhiều vào các đơn vị trong ngành để hạn chế ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác quản lý và thu hồi công nợ cần tích cực, quyết liệt hơn, chủ động nắm bắt tình hình và đưa ra các biện pháp thu hồi để đạt hiệu quả cao.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Theo nhận định năm 2021 tiếp tục là năm khó khăn cho ngành dầu khí nói chung và Công ty nói riêng khi dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường, giá dầu thô phục hồi chậm và nhiều biến động. Để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trên cơ sở tình hình thực tế và hoạt động của công ty hiện nay, HĐQT đề ra chương trình công tác trong năm 2021 như sau:

1. Về công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên và các cuộc họp định kỳ của HĐQT

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2021.
- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT để thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình của Công ty, kịp thời thúc đẩy, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

2. Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức chỉ đạo và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 và các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua.
- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế, đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường sự kết nối nhằm củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài ngành dầu khí... ký thêm được các hợp đồng, công việc, dự án mới.
- Chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng khoa học có hàm lượng kỹ thuật cao trong sản xuất, cải tiến quy trình lao động và các hệ thống quản lý Công ty để tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Chỉ đạo công ty làm việc với tỉnh BR-VT và các cơ quan chức năng để tiếp tục được hưởng ưu đãi đầu tư giai đoạn khai thác cảng biển và hoàn thành các thủ tục về đất đai của dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Công ty.
- Kiểm tra độ tin cậy của số liệu Báo cáo Tài chính, báo cáo khác và các thông tin kinh tế - tài chính theo quy định hiện hành.
- Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, đồng thời rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhất.
- Định kỳ lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ các quy định của Tổng Công ty, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát và các quy định của pháp luật.

3. Công tác nhân sự

- Tiếp tục kiện toàn nhân sự của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022.
- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Thực hiện đúng thẩm quyền của HĐQT trong công tác nhân sự.

4. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

- Ban hành Điều lệ và các Quy chế quản lý công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành.

5. Công tác quản lý vốn và Người đại diện phần vốn

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn nhân rồi của Công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- Chỉ đạo, đôn đốc Ban Giám đốc tích cực, quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng. Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý công nợ.
- Chỉ đạo sát sao Công ty tích cực theo dõi, bám sát tình hình hoạt động của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí Hàng hải để thu hồi tối đa khoản nợ quá hạn của Công ty này.
- Chỉ đạo Người đại diện của Công ty theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của công ty Sopewaco, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu theo quy định. Tích cực tìm kiếm nhà đầu tư để thoái toàn bộ vốn tại Công ty Sopewaco theo chủ trương ĐHCĐ đã phê duyệt và bảo vệ lợi ích của cổ đông ở mức cao nhất.

6. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Chỉ đạo xây dựng cụ thể kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 của Công ty trong từng lĩnh vực.
- Chỉ đạo xây dựng các kịch bản, dự báo tình hình thị trường và phương án, biện pháp ứng phó cụ thể để chủ động trước tình hình khó khăn trong giai đoạn tới.

7. Thực hiện các công việc thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

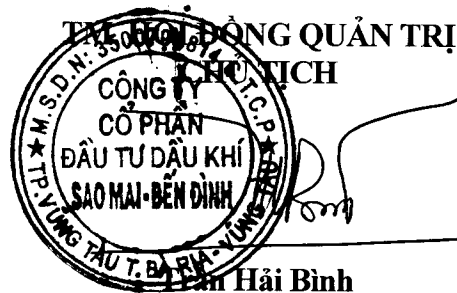
Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Kính trình đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐQT Cty (e-copy);
- Ban KS, Ban GD Cty (e-copy);
- Ban BT Website, Ban TC ĐHCĐ;
- Lưu VT, NTH.



PHỤ LỤC I

TỔNG HỢP CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

I. Thống kê tham dự họp HĐQT của các thành viên trong năm 2020

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Trần Hải Bình	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
2	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT/Giám đốc	4	100%	
3	Nguyễn Lê Phương	Thành viên HĐQT	4	100%	Họp trực tuyến
4	Nguyễn Việt Đạt	Thành viên HĐQT	4	100%	

II. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2020

Stt	Số, loại văn bản	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
I	NGHỊ QUYẾT				
1	10/NQ-HĐQT	16/01/2020	Họp tập trung	NQ Cuộc họp HĐQT quý IV năm 2019	Đã hoàn thành
2	32/NQ-HĐQT	25/03/2020	Lấy ý kiến	Nghị quyết tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	Đã hoàn thành
3	51/NQ-HĐQT	04/06/2020	Họp tập trung	Nghị quyết cuộc họp HĐQT quý I/2020	Đã hoàn thành
4	88/NQ-HĐQT	07/08/2020	Họp tập trung	Nghị quyết cuộc họp HĐQT quý II/2020	Đã hoàn thành
5	109/NQ-HĐQT	23/10/2020	Họp tập trung	Nghị quyết cuộc họp HĐQT quý III/2020	Đã hoàn thành

II QUYẾT ĐỊNH					
1	11/QĐ-HĐQT	16/01/2020	Họp tập trung	Trích lập dự phòng phải thu nợ quá hạn khó đòi Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải Sài Gòn	Đã hoàn thành
2	12/QĐ-HĐQT	16/01/2020	Họp tập trung	Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2019 của Công ty SMBĐ	Đã hoàn thành
3	13/QĐ-HĐQT	16/01/2020	Họp tập trung	Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020	
4	47/QĐ-HĐQT	12/05/2020	Lấy ý kiến	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020	Đã hoàn thành
5	52/QĐ-HĐQT	04/06/2020	Họp tập trung	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHCĐ thường niên năm 2020	Đã hoàn thành
6	60/QĐ-HĐQT	05/06/2020	Họp tập trung	Phê duyệt Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Công ty SMBĐ	Đã hoàn thành



PHỤ LỤC II

THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Thù lao và các lợi ích khác
1	Trần Hải Bình	Chủ tịch HĐQT	01/01/2020 đến 31/12/2020	636.048.367 đồng
2	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT/Giám đốc	01/01/2020 đến 31/12/2020	641.756.402 đồng
3	Nguyễn Lê Phương	Thành viên HĐQT	01/01/2020 đến 31/12/2020	36.000.000 đồng
4	Nguyễn Việt Đạt	Thành viên HĐQT	01/01/2020 đến 31/12/2020	36.000.000 đồng

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Số 130/BC-SMBĐ

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

PHẦN I

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đặc điểm tình hình chung:

Năm 2020, ngành công nghiệp dầu khí thế giới nói chung và ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam nói riêng đứng trước khó khăn, thách thức rất lớn khi phải chịu ảnh hưởng nặng nề từ tác động kép đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu trong thời gian dài, có thể được xem như đang trong giai đoạn khó khăn nhất, từ khâu đầu đến khâu cuối đều bị ảnh hưởng lớn, khi lượng tiêu thụ các sản phẩm lọc hóa dầu, hiệu quả khai thác dầu khí giảm mạnh, doanh thu không đủ bù đắp chi phí khai thác. Những dự án trọng điểm về tìm kiếm, thăm dò, khai thác bị cắt giảm, dừng hoặc giãn tiến độ triển khai. Tất cả những yếu tố này đang làm cho sự cạnh tranh tăng mạnh trên thị trường dịch vụ cơ khí, cung ứng vật tư thiết bị và tất cả các dịch vụ cung ứng khác, đặt ra khó khăn rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD của Công ty.

Trước tình hình khó khăn hiện tại, được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tổng Công ty và sự hợp tác hỗ trợ của các đơn vị trong ngành, đối tác, cùng sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và tập thể NLĐ, Công ty đã duy trì ổn định nguồn công việc, hoàn thành tốt, vượt chỉ tiêu các mục tiêu cơ bản kế hoạch SXKD đề ra trong năm 2020.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty SMBĐ năm 2020 như sau:

a. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ của các Ban, các đơn vị trong cùng Tổng công ty.
- Công ty đã thiết lập, duy trì được nhiều mối quan hệ tốt đẹp với cơ quan chức năng, đối tác và dân xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực thi công chế tạo cơ khí, cung cấp thương mại hàng hóa, máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Khó khăn và tồn tại trong năm 2020:

- Khối lượng công việc, dự án ngày càng khan hiếm do hoạt động thăm dò, khai thác đầu tư trong lĩnh vực dầu khí vẫn tiếp tục dừng, giãn, hoạt động cầm chừng.

- Cơ sở vật chất của Công ty không có nhiều, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chưa có cầu cảng, kho, trang thiết bị, đặc biệt chưa có đường vào độc lập...nên ảnh hưởng đến khả năng đầu thầu, khả năng cạnh tranh cung cấp dịch vụ.
- Về đầu tư xây dựng cơ bản, Thủ tục đầu tư phức tạp, chủ trương và thủ tục đầu tư thông qua nhiều cấp, công tác thẩm định phê duyệt kéo dài so với kế hoạch nên tiến độ không đáp ứng được yêu cầu đề ra, ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh và các cơ hội đầu tư khai thác kinh doanh dịch vụ của Công ty.

2. Kết quả đạt được:

Tổng doanh thu năm 2020 là 196,95 tỷ đồng, đạt 104% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 3,17 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch năm.

Lợi nhuận từ hoạt động SXKD năm 2020 đạt vượt mức so với kế hoạch do Công ty đã thực hiện việc quyết toán thuế TNDN từ các năm trước và thực hiện việc cho thuê 960m2 diện tích nhà xưởng và dịch vụ hậu cần nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, đồng thời chuyển toàn bộ văn phòng Container của Đội XLDV về khu bãi 7ha để tiết giảm chi phí thuê kho bãi và thuận tiện việc thực hiện Dự án SVĐN.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	% so với KH
1	Vốn điều lệ	500,00	500,00	500,00	100
2	Doanh thu	207,48	189,28	196,95	104
a	<i>Doanh thu hoạt động SXKD</i>	181,40	164,28	172,41	105
-	<i>Dịch vụ cơ khí chế tạo và đóng mới CTDK</i>	73,83	70	47,07	67
-	<i>Dịch vụ cung cấp VTTB (thương mại)</i>	17,80	30	7,18	24
-	<i>Dịch vụ căn cứ kho bãi</i>	5,2	9,28	7,07	76
-	<i>Dịch vụ cấp điện, nước tại cảng</i>	9,23	10	16,29	163
-	<i>Dịch vụ cung ứng nhân lực khác</i>	1,82	-	1,49	
-	<i>Phân phối đạm Phú Mỹ, khí LPG</i>	73,52	45	93,31	207
b	<i>Hoạt động tài chính</i>	24,69	25	24,54	98
c	<i>Thu nhập khác</i>	1,39	-	-	-
3	Lợi nhuận trước thuế	1,3	2,22	3,17	143
4	Lợi nhuận sau thuế	0,41	0,89	2,5	281
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	0,34	1,14	0,51	45
6	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB				
-	Giá trị thực hiện	0,41	25,67	17	66
-	Giá trị giải ngân	3,16	26,68	16,82	63
7	Số lao động cuối kỳ	81	85	81	95

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 theo từng lĩnh vực tại Công ty:

2.1 Công tác sản xuất kinh doanh

- Dịch vụ thi công chế tạo cơ khí

Công ty tích cực bám sát các đơn vị thành viên trong cùng Tập đoàn PVN, Tổng Công ty, để tìm kiếm công việc, đồng thời áp dụng nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, rà soát giảm giá tối đa để có thể cung cấp dịch vụ thi công cơ khí với mức giá cạnh tranh nhất có thể. Công việc cụ thể như sau:

- Hoàn thành hợp đồng Thi công cầu dẫn DA-DC cho dự án Galaff ký với PV Shipyard.
- Thực hiện gói thầu thi công gói thầu ống cọc cho dự án SVĐN ký với PTSC-MC, dự án này được khởi công từ tháng 07/2020 và theo dự kiến hoàn thành vào tháng 05/2021. Tính đến hết năm 2020, hợp đồng đạt 72% khối lượng công việc. Công tác thanh quyết toán đang theo đúng tiến độ hợp đồng.

- Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị

Công tác cung cấp vật tư thiết bị tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do sự suy giảm của số lượng các gói thầu mới và sự cạnh tranh tăng cao do sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà thầu nước ngoài, tư nhân với việc chào phá giá, giá cung cấp dịch vụ rất thấp. Công ty hoàn thành, quyết toán các gói thầu đã ký năm 2019 và thực hiện công việc cung cấp vật tư thiết bị ký mới trong năm 2020:

- Hoàn thành việc thanh quyết toán hợp đồng Cung cấp Vật tư đầu nổi thiết bị điều khiển cho dự án BK 21(lô 09.1) ký với VSP.
- Hoàn thành quyết toán hợp đồng Cung cấp van tay cho dự án BK21-Lô 09.1 ký với VSP.
- Thực hiện hợp đồng cung cấp Cầu 8 tấn cho Dự án BK-18A (lô 09.1) ký với VSP.

- Dịch vụ Căn cứ kho bãi

Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ kho bãi 63ha ổn định cho PVC MS, PV Shipyard. Công ty SMBĐ tiếp tục nỗ lực tìm kiếm và các khách hàng tiềm năng có nhu cầu sử dụng dịch vụ khu bãi 7ha dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình nói chung và dự án thành phần Khu dịch vụ dầu khí 35ha thuộc Dự án Căn cứ dịch vụ HHDK Sao Mai – Bến Đình nói riêng nhằm tăng Doanh thu lĩnh vực này.

- Dịch vụ khác (cung cấp điện, nước phụ trợ,...)

Các loại hình dịch vụ lĩnh vực này chủ yếu là việc cung cấp các dịch vụ cung cấp điện, nước cho các đơn vị thuê bãi khu Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Doanh thu lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến các dự án được thực hiện trên khu bãi thuê của các khách hàng thuê đất.

- Dịch vụ cho thuê lại lao động

Công ty chủ yếu cung cấp cho các Dự án của Tổng Công ty PTSC. Hiện các dự án này đã hoàn thành nên việc cung ứng nhân lực của công ty bị giảm nhiều.

- Phân phối khí hóa lỏng

Trong điều kiện khó khăn chung của thị trường dịch vụ dầu khí, Công ty đang duy trì ổn định việc cung cấp dịch vụ phân phối khí hóa lỏng và đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty.

2.1. Doanh thu tài chính

Tình hình kinh tế thị trường năm qua không có nhiều biến động. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Chính phủ. Do tác động từ dịch bệnh Covid – 19 nên các ngân hàng liên tục điều chỉnh giảm lãi suất huy động. Với mục tiêu bảo toàn vốn, Công ty lựa chọn dịch vụ ngân hàng có thương hiệu, uy tín và an toàn nên doanh thu tài chính năm 2020 không bị ảnh hưởng nhiều và ổn định mức tương đương năm 2019.

2.2 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và phương tiện thiết bị năm 2020

Công ty PVSBS tiếp tục triển khai các công việc, thủ tục đầu tư cho dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

a. Tình hình triển khai dự án Căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình:

- **Đền bù giải phóng mặt bằng:**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 của Công ty SMBĐ đã được ĐHCĐ phê duyệt, trong đó bao gồm có kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân thuộc phạm vi con đường. Ngày 30/06/2020, UBND TP đã có Quyết định số 2924/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào Khu căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Bên cạnh đó, UBND TP đề nghị Chủ đầu tư chi trả cho người dân và UBND TP sẽ phối hợp cùng Công ty SMBĐ thực hiện các thủ tục với các cơ quan chức năng (UBND tỉnh BRVT, Sở Tài Chính, Cục thuế) để khấu trừ vào tiền thuê đất của Công ty về sau. Hiện Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức chi trả cho các hộ dân căn cứ theo công văn số 1382/PTQĐ-NV5 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tp Vũng Tàu.

- **Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500:**

Công ty đã nhận đầy đủ hồ sơ và đang thực hiện theo Quyết định phê duyệt đồ án tại văn bản số 3227/QĐ-UBND ngày 16/07/2020.

- **Ưu đãi đầu tư của dự án:**

Ngày 11/06/2019, UBND tỉnh BR-VT đã có văn bản số 5564/UBND-VP về mặt nguyên tắc chấp thuận cho Công ty SMBĐ bổ sung mục tiêu là bến cảng biển, hiện nay, Công ty đang làm việc với Cục thuế tỉnh để triển khai thực hiện các thủ tục chính sách ưu đãi đầu tư đối với Dự án.

- **Chủ trương đầu tư phát triển tổ hợp cảng và dịch vụ dầu khí tại SM - BĐ:**

Căn cứ theo kết luận cuộc họp Chính phủ tại Văn bản số 1097/TTg – CN ngày 14/08/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi văn bản số 362/SKHĐT-ĐT ngày 08/02/2021 tới Công ty SMBĐ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh giảm 49ha – khu vực 2 căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định.

- **Nghĩa vụ tài chính của dự án:**

Công ty đang thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh từ ngành nghề ưu đãi đầu tư sang hưởng đặc biệt ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành.

- **Công tác khác:**

UBND tỉnh BRVT đã đồng ý cho Công ty SMBĐ tự bỏ kinh phí xây dựng đường tạm vào Dự án của Công ty.

2.4 Công tác đầu tư tại Doanh nghiệp khác

Công ty SMBĐ hiện sở hữu 1.053.000 cổ phần, chiếm 13,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (SOPEWACO). Từ năm 2008-2009, Công ty SOPEWACO hoạt động hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi chịu tác động nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính, đến 30/06/2017, Công ty SOPEWACO đã lỗ lũy kế là 423,56 tỷ đồng. Được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Công ty SMBĐ đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty SOPEWACO. Ngày 06/09/2019, Công ty SMBĐ đã nhận được Giấy xác nhận số 58571/19 của sở KHĐT về việc thông báo Doanh nghiệp SOPEWACO tạm ngừng kinh doanh đến ngày 19/09/2020 do đang tái cơ cấu và không hoạt động. Hiện Công ty SMBĐ đang tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn phần vốn góp tại SOPEWACO.

2.5 Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

2.6.1 Các chế độ bảo hiểm đối với người lao động:

Công ty SMBĐ đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các loại bảo hiểm không bắt buộc khác cho 83 người.

2.6.2 Các công tác khác

- Công tác nhân sự: Tổng số người lao động Công ty SMBĐ năm 2020 là 83 người, trong đó: Người lao động làm việc trong Công ty SMBĐ là 81 người (bao gồm 07 chức danh Lãnh đạo Công ty: Ban Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng), và 02 người lao động ký hợp đồng ngắn hạn làm việc cho các Dự án của PTSC.
- Công tác lao động, tiền lương: Quỹ lương thực hiện cho người lao động trong năm 2020 là 13,78 tỷ đồng, trong đó:
 - Quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2020 là 9,87 tỷ đồng, tháng lương bình quân thực hiện năm 2020 của người lao động là 822 triệu đồng/tháng, tổng số người lao động là 74 người, thu nhập bình quân của người lao động khoảng 11 triệu đồng/tháng.
 - Quỹ lương thực hiện của người quản lý năm 2020 là 3,91 tỷ đồng, tháng lương bình quân thực hiện năm 2020 của người quản lý là 326 triệu đồng/tháng, tổng số người quản lý là 7 người, thu nhập bình quân của người quản lý khoảng 43 triệu đồng/tháng.
- Công tác tuyển dụng: Đối với người lao động làm việc cho Công ty, Công ty SMBĐ thực hiện tuyển dụng 02 lao động mới, chấm dứt hợp đồng 02 lao động. Đối với người lao động làm việc cho các Dự án của PTSC, Công ty SMBĐ không thực hiện tuyển dụng lao động mới.
- Công tác đào tạo: Công ty SMBĐ đã thực hiện cử 106 lượt người tham gia các khóa đào tạo với kinh phí là 200 triệu đồng.
- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Việc thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí được thực hiện nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực, tập trung vào việc chấp hành đúng nguyên tắc, chế độ, quy định về quản lý ngân sách, tài chính, xăng, dầu, điện, nước, cải cách thủ tục hành chính, thời gian làm việc và chế độ hội họp, tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản. HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 60/QĐ-HĐQT ngày 05/06/2020 về việc phê duyệt chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phổ biến toàn thể cán bộ, nhân viên trong Đơn vị.

Trong năm 2020, Công ty đã tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh 612 triệu đồng.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2020, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty SMBĐ đã xây dựng tích hợp các tiêu chuẩn trên và phù hợp với các quy trình, quy định của Tổng Công ty PTSC.

II. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, BỘ MÁY QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Tính đến ngày 22/02/2021 – ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, Công ty có **10.379** cổ đông nắm giữ 50 triệu cổ phần, có quyền tham dự Đại hội. Cụ thể cơ cấu cổ đông và bộ máy quản trị Công ty như sau:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ CP nắm giữ
I	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	Tổng cộng : 50 triệu cổ phần, Mệnh giá : 10.000 đ/CP
A.	Cổ đông pháp nhân	75,6282%
1.	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	51,0000%
2.	Công ty TNHH SX TM Việt Anh	13,0162%
3.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu (GP.Bank)	3,4000%
4.	Công ty quản lý nợ - thuộc GP Bank	1,6000%
5.	Công ty CP Dịch vụ và Tư vấn tương lai	6,6120%
B.	Cổ đông thể nhân	24,3718%
II.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
1.	Ông Trần Hải Bình (PTSC) - Chủ tịch	
2.	Ông Phùng Như Dũng (PTSC) - Thành viên	
3.	Ông Nguyễn Viết Đạt (PTSC) - Thành viên	
4.	Ông Đặng Thanh Hải (Cty TNHH SX TM Việt Anh) - Thành viên	
III.	BAN KIỂM SOÁT	
1.	Ông Ngô Văn Lập (PTSC) - Trưởng ban	
2.	Ông Phạm Văn Tiến (PTSC) - Thành viên	
3.	Bà Đinh Thị Ngọc Thanh - (Cty TNHH SX TM Việt Anh) - TV	
IV.	BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	

1.	Ông Phùng Như Dũng	- Giám đốc	
2.	Ông Đặng Đức Hồi	- Phó Giám đốc	
3.	Ông Trần Đức Hạnh	- Phó Giám đốc	
4.	Ông Trần Chí Dũng	- Phó Giám đốc	
5.	Ông Phạm Minh Vĩ	- Kế toán trưởng	

M: 35
C
C
ĐÀU
SAO
G TÁ

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021

Bước sang năm 2021, tình hình kinh tế chính trị thế giới và khu vực dự báo tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp. Giá dầu đang có dấu hiệu khởi sắc và có xu hướng phục hồi nhưng nguy cơ lây lan, bùng phát dịch Covid-19 vẫn còn ở mức cao. Công ty nhận thức sâu sắc, rõ ràng con đường phát triển phía trước vẫn còn vô vàn khó khăn, thách thức. Việc duy trì và đảm bảo sự phát triển Công ty ổn định, bền vững đã và đang đặt ra cho mỗi Lãnh đạo, Người lao động Công ty SMBĐ những đòi hỏi ngày càng cao về trách nhiệm, sự tâm huyết, bản lĩnh và năng lực kinh nghiệm. Để vượt qua các thử thách đó, đòi hỏi tập thể lãnh đạo, người lao động SMBĐ có sự quyết tâm cao, định hướng triển khai đúng đắn, giải pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, đồng tâm hiệp lực để thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2020 và nhận định, đánh giá các cơ hội thị trường trong năm 2021, Công ty SMBĐ đã dự thảo và đề xuất kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2021 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

a. Kế hoạch tài chính chủ yếu

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,00
+	<i>Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC</i>	%	51,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	167,80
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,12
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,86
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	0,76

b. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	18,03
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	18,97
+	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>18,97</i>
+	<i>Vốn Vay/khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>-</i>

2. Các giải pháp trọng tâm năm 2021

- Giải pháp về quản lý:

- ✓ Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- ✓ Kiện toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

- **Giải pháp về thị trường:**

- ✓ Tập trung phát triển năng lực, là đơn vị con của Tổng Công ty DVKT, tận dụng các thế mạnh như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm... để đảm nhận những công việc phức tạp và giá trị lớn.
- ✓ Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, các đơn vị trong ngành và đặc biệt các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để tìm kiếm nguồn việc mới, kịp thời cung cấp và đáp ứng nhu cầu dịch vụ.
- ✓ Thúc đẩy các giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả trong sản xuất thi công dự án để từng bước mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh riêng của công ty cho các khách hàng ngoài ngành.
- ✓ Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai đầu tư xây dựng dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

- **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**

- ✓ Tổ chức sắp xếp, phân công lao động khoa học, hợp lý, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động.
- ✓ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ luật nghiêm minh, gắn kết đãi ngộ với đóng góp, phát huy tính tự giác trong lao động.

- **Giải pháp về đầu tư:**

- ✓ Tiếp tục rà soát cơ sở hạ tầng, nguồn lực hiện có của Công ty và các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để xem xét sử dụng nguồn lực hiệu quả và tính toán đầu tư xây dựng cầu cảng đáp ứng nhu cầu thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi hiện có của Công ty.
- ✓ Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch.
- ✓ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thủ tục xin ưu đãi đầu tư đầu tư dự án cần tiếp tục tích cực liên hệ với cơ quan ban ngành chức năng, trên cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật và quy chế, quy định của Công ty.

- **Giải pháp về tài chính:**

- ✓ Sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong quản lý nguồn vốn và tài sản.
- ✓ Tăng cường công tác quản trị, quản lý, hạch toán kinh tế và sử dụng đồng tiền, công tác thu hồi công nợ,... đảm bảo tính tự chủ và an toàn về tài chính.
- ✓ Quản lý chặt chẽ nguồn tiền gửi, theo dõi sát sao diễn biến thị trường tài chính trong nước cũng như quốc tế để nắm bắt tình hình, có những hành động kịp thời đảm bảo tài chính cho Công ty.

- **Giải pháp về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:**

- ✓ Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.
- ✓ Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

481
TY
AN
DUK
N DIN
RIA

- ✓ Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

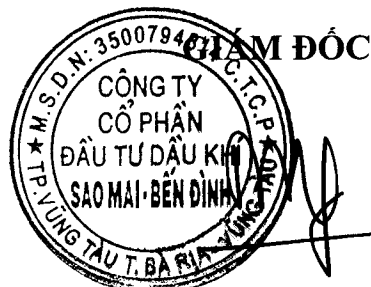
Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Công ty SMBĐ.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Đảng ủy, HĐQT;
- Ban GD, BKS;
- P.TCKT, P.ĐTXD, P.TCHC, Đ.XLDV;
- Ban biên tập Website;
- Lưu VT, P.KTKH, ĐTKQ.



Phùng Như Dũng



Số 140 /BC-BKS

Tp. Vũng Tàu, ngày 11 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRONG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Kính thưa Quý cổ đông,

Thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành, Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội về công tác kiểm tra, giám sát và tình hình hoạt động trong năm 2020, kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

Phần I: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. *Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát:* Ban kiểm soát Công ty có 3 thành viên, trong đó:

- Ông Ngô Văn Lập : Trưởng ban, thành viên chuyên trách
- Ông Châu Hoài Thanh : Thành viên kiêm nhiệm (miễn nhiệm ngày 05/06/2020)
- Ông Phạm Văn Tiến : Thành viên kiêm nhiệm (bổ nhiệm ngày 05/06/2020)
- Bà Đinh Thị Ngọc Thanh: Thành viên kiêm nhiệm

2. *Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:*

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, hàng năm của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;
- Thực hiện các công tác khác của Ban kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2020. Định kỳ hàng quý tổng kết, lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và việc chấp hành các quy định của Pháp luật.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.
- Trong năm 2020 Ban kiểm soát có 4 cuộc họp (tỷ lệ tham dự 100%) để tổng kết hoạt động trong kỳ, đề ra kế hoạch, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kỳ tới. Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có sự nhất trí, đồng thuận giữa các Thành viên (như Phụ lục 1 đính kèm).
- Từng Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và lĩnh vực được phân công với ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng. Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát cụ thể (như Phụ lục 3 đính kèm).

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát:

Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2020, cụ thể là:

- TV BKS kiêm nhiệm: 2 triệu đồng/người/tháng x 2 người x 12 tháng = 48 triệu đồng.
- TV BKS chuyên trách hưởng lương theo Quy chế lương của Công ty.

Căn cứ theo quy định của Tổng công ty PTSC thì thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm do Tổng công ty PTSC cử, giới thiệu tham gia Ban kiểm soát sẽ không nhận thù lao tại doanh nghiệp. Do đó kể từ tháng 10 năm 2020 ông Phạm Văn Tiến – Thành viên kiêm nhiệm đã thôi không nhận thù lao.

Năm 2020 không phát sinh chi phí hoạt động và các lợi ích liên quan đến Ban kiểm soát và từng Thành viên (theo như Phụ lục 2 đính kèm).

II. Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định và thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Giám đốc Công ty. Kết quả cụ thể như sau:

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 so với cùng kỳ năm trước:

Stt	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ	189,28	196,95	207,48	104%

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

-	Doanh thu hoạt động SXKD	Tỷ	164,28	172,41	181,40	105%
-	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ	25,00	24,54	24,69	98%
-	Doanh thu khác	Tỷ	-	-	1,39	-
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	2,22	3,17	1,30	143%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	0,89	2,50	0,41	281%
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ	1,14	0,51	0,34	45%
5	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB	Tỷ				
	- Giá trị thực hiện		25,67	17,00	0,41	66%
	- Giá trị giải ngân		26,68	16,82	3,16	63%

- Trong năm 2020, Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là 172,41 tỷ đồng đạt 104% so với kế hoạch năm nhưng chỉ bằng 95% so với cùng kỳ năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 3,17 tỷ đồng vượt 43% kế hoạch năm. Lợi nhuận năm 2020 vượt mức so với kế hoạch do Công ty đã thực hiện việc quyết toán thuế TNDN từ các năm trước và thực hiện việc ký hợp đồng với Công ty AMECC cho thuê diện tích 960m2 nhà xưởng và dịch vụ hậu cần.

- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2020 là 780,96 tỷ đồng, tăng 11,78 tỷ đồng, tương ứng tăng 1,53% so với thời điểm 31/12/2019 là do Công ty thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ về đất cho 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, mặt nước thuộc dự án và đường vào khu Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai –Bến Đình.

- Hiệu quả sử dụng vốn: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 0,45%; Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Tổng Tài sản (ROA) đạt 0,32%.

- Về khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2020 đều > 1 cho thấy đơn vị đảm bảo khả năng tài chính để thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Đánh giá mức độ bảo toàn vốn: Trong năm 2020, kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 là 553,16 tỷ đồng lớn hơn Vốn điều lệ. Do đó Công ty đã đảm bảo được việc bảo toàn và phát triển vốn.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực:

- Dịch vụ xây lắp, cơ khí: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và giá dầu giảm mạnh, các hoạt động dầu khí đều dừng, giãn hoặc triển khai chậm lại nên Công ty phải đối diện với nhiều khó khăn thách thức trong việc tìm kiếm khách hàng và nguồn việc. *Doanh thu năm 2020 là 47,07 tỷ đồng đạt 67% so với kế hoạch năm, chỉ bằng 64% so với năm 2019.*

- Dịch vụ căn cứ cảng (gồm cho thuê mặt bãi, nhà xưởng, ...): *Doanh thu năm 2020 là 7,07 tỷ đồng đạt 76% so với kế hoạch năm, bằng 136% so với năm 2019.*

- Dịch vụ cung ứng VTTB: *Doanh thu năm 2020 là 7,18 tỷ đồng đạt 24% so với kế hoạch năm, chỉ bằng 40% so với năm 2019.*

- Dịch vụ cung ứng điện nước: *Doanh thu năm 2020 là 16,29 tỷ đồng đạt 163% so với kế hoạch năm, tăng 77% so với năm 2019.*

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

- Dịch vụ cung ứng nhân lực: *Doanh thu năm 2020 là 1,49 tỷ đồng.*
- Dịch vụ phân phối khí hóa lỏng, phân bón Phú Mỹ: *Doanh thu năm 2020 là 93,31 tỷ đồng đạt 207% so với kế hoạch năm, tăng 17% so với năm 2019.*
- Doanh thu hoạt động tài chính: *Doanh thu năm 2020 là 24,54 tỷ đồng đạt 98% so với kế hoạch năm, bằng 99% so với năm 2019.*

2. Công tác quản lý, đầu tư xây dựng và mua sắm phương tiện thiết bị năm 2020:

Công ty SMBĐ được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình. Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình được chia làm 3 phân khu chính gồm: Khu chế tạo giàn khoan dầu khí 39,8ha giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê; Khu bãi 23,5ha giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí thuê; Phần còn lại sẽ do Công ty SMBĐ thực hiện đầu tư.

- Ngày 27/09/2012 đã được UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Ngày 08/07/2015 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đọt 1.
- Ngày 10/08/2015 Công ty khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I). Hiện nay đã hoàn thiện san lấp và đưa vào sử dụng mặt bằng bãi 7ha.

a) Các công việc đang thực hiện:

- Lập quy hoạch tổng thể và nghiên cứu khả thi Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai –Bến Đình: Hiện đang theo dõi đến khi hoàn thành thủ tục đất đai sẽ thực hiện tiếp.
- Đền bù giải phóng mặt bằng: Ngày 30/06/2020, UBND TP.VT đã có Quyết định số 2924/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào Khu căn cứ Dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Bên cạnh đó, UBND TP.VT đề nghị Chủ đầu tư chi trả cho người dân và UBND TP.VT sẽ phối hợp cùng Công ty SMBĐ thực hiện các thủ tục với các cơ quan chức năng (UBND tỉnh BR-VT, Sở Tài Chính, Cục thuế) để khấu trừ vào tiền thuê đất của Công ty về sau. Hiện Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức chi trả cho các hộ dân căn cứ theo công văn số 1382/PTQĐ-NV5 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tp Vũng Tàu.
- Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500: Ngày 16/07/2020, UBND TP.Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 3227/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và 3228/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Về việc đầu tư phát triển tổ hợp cảng và dịch vụ dầu khí tại SM – BĐ: Căn cứ theo kết luận cuộc họp Chính phủ tại Văn bản số 1097/TTg – CN ngày 14/08/2020, UBND

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi văn bản số 362/SKHĐT-ĐT ngày 08/02/2021 tới Công ty SMBĐ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý điều chỉnh giảm 49ha – khu vực 2 Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định.

b) Ưu đãi đầu tư của dự án: Công ty đã trình hồ sơ dự án lên Sở KHĐT xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Ngày 11/06/2019, UBND tỉnh BR-VT đã có văn bản số 5564/UBND-VP chấp thuận cho Công ty bổ sung mục tiêu là bến cảng biển. Ngày 26/06/2019 Sở KHĐT có Văn bản số 1291/SKHĐT-ĐT hướng dẫn Công ty làm việc với Cục thuế, Sở XD, Sở TN-MT để xác định vị trí, diện tích chính xác. Hiện nay đang làm việc với Cục thuế để thực hiện các thủ tục chính sách ưu đãi đầu tư đối với Dự án.

c) Nghĩa vụ tài chính của dự án: Ngày 14/05/2020 Công ty đã gửi công văn số 364/SMBĐ-TCKT cho Cục thuế Tp. Vũng Tàu giải trình về việc xin tạm hoãn nộp tiền thuê đất theo Thông báo số 1926/157/TB-CCT ngày 24/04/2020 do hiện nay Công ty đang thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh từ ngành nghề ưu đãi đầu tư sang hưởng đặc biệt ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành.

d) Về tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư: Việc tạm ứng, thanh toán được Công ty thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng đã ký.

3. Về việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông Công nghệ cao Sopewaco:

Hiện tại Công ty đang sở hữu 1.053.000 cổ phần chiếm 13,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao – Sopewaco đầu tư từ năm 2009. Do Sopewaco thua lỗ và đã tạm dừng hoạt động nên Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền là 10.530.000.000 đồng. Hiện Công ty vẫn chưa tìm được đối tác để thoái vốn và đang tiếp tục tìm kiếm khách hàng để chuyển nhượng phần vốn góp.

4. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

Tài sản:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
I- Tài sản ngắn hạn	492.046.108.002	487.534.940.669
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	53.140.405.601	79.174.083.567
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	397.000.000.000	367.000.000.000
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	23.823.546.782	34.861.928.435
4- Hàng tồn kho	11.054.042.537	512.014.874
5- Các tài sản ngắn hạn khác	7.028.113.082	5.986.913.793
II- Tài sản dài hạn	288.911.837.973	281.638.440.721
1- Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000	3.000.000
2- Tài sản cố định	75.155.639.193	80.939.341.358
3- Bất động sản đầu tư	178.600.776.483	183.336.048.339

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

4- Tài sản dở dang dài hạn	33.163.714.381	16.168.416.172
5- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
6- Tài sản dài hạn khác	1.988.707.916	1.191.634.852
Tổng tài sản	780.957.945.975	769.173.381.390

Nguồn vốn:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
I – Nợ phải trả	227.795.819.723	218.469.480.109
1 – Nợ ngắn hạn	27.031.856.256	13.316.035.414
2 – Nợ dài hạn	200.763.963.467	205.153.444.695
II – Vốn chủ sở hữu	553.162.126.252	550.703.901.281
1 – Vốn chủ sở hữu	553.162.126.252	550.703.901.281
2 – Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
Tổng nguồn vốn	780.957.945.975	769.173.381.390

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2019
1	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	17,79	36,57
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	18,20	36,61
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	%	41,18	39,67
	- Nợ phải trả /Tổng Nguồn vốn	%	29,17	28,40
	- Vốn chủ sở hữu /Tổng Nguồn vốn	%	70,83	71,60
3	Khả năng sinh lời			
	- Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (ROS)	%	1,27	0,20
	- Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,45	0,08
	- Lợi nhuận sau thuế /Tổng Tài sản (ROA)	%	0,32	0,05

Đánh giá về tình hình tài chính của Công ty: Nhìn chung trong 2020, kết quả kinh doanh của Công ty có lãi, bảo toàn và phát triển vốn, khả năng thanh toán được đảm bảo.

III. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2020:

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ thẩm định các báo cáo gồm Báo cáo Tài chính, Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông và thống nhất xác nhận:

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

- Các báo cáo đã tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Tổng công ty PTSC; thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty. Số liệu trong báo cáo là trung thực, chính xác phù hợp với số liệu trong Báo cáo Tài chính đã kiểm toán.
- Báo cáo Tài chính năm 2020 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và được trình bày theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Công ty TNHH Kiểm toán Vaco đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020. Báo cáo Tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động trong năm 2020. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng qui định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

IV. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại phiên họp Đại hội cổ đông thường niên 2021.

- Công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2020 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các quy định pháp luật có liên quan, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng công ty PTSC và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong quản lý, điều hành Công ty, thường xuyên theo dõi việc thực hiện các Quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ. Hội đồng quản trị đã tích cực chỉ đạo, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các tổ chức đoàn thể thực hiện các chức năng theo quy định.
- Ban Giám đốc luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, nhận diện, phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của Công ty. Thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro để ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại và có dự báo để đón đầu cơ hội. Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty, tổ chức nhiều Chương trình hành động, phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, với mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

V. Công tác rà soát kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty:

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

- Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm phát hiện, đánh giá, xử lý, giám sát các rủi ro. Hệ thống quản trị rủi ro được định kỳ rà soát đánh giá nhằm phản ánh, thích nghi với những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.
- Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015, áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe - Môi trường) và đã được tích hợp vào hệ thống của Tổng công ty PTSC giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động và tuân thủ pháp luật.
- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2020, Công ty không để xảy ra trường hợp cháy nổ, mất an toàn hay ô nhiễm môi trường.

VI. Công tác giám sát, đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm [50%] trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba [03] năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

- Trong năm 2020 không phát sinh các giao dịch trên.

Phần 2: Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020

1. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và từng Thành viên trong năm 2020:

- Căn cứ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy định và Quy chế quản lý nội bộ, trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, luôn nâng cao vai trò trách nhiệm trong công việc.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể, hàng quý đều tổ chức họp đánh giá nhiệm vụ và kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty và từng thành viên. Các cuộc họp đều có sự thống nhất và có biên bản làm việc. Các thành viên đã hoàn thành đúng chức trách, nhiệm vụ và tuân thủ theo quy định.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.
- Công tác quản lý, giám sát các dự án đầu tư đã và đang được kiểm tra, giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.
- Công tác quản lý và sử dụng vốn được giám sát chặt chẽ, khả năng thanh toán được đảm bảo. Nguồn vốn nhân rồi của Công ty được sử dụng hiệu quả, linh hoạt nhằm phát huy sức mạnh tài chính trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và an toàn sử dụng nguồn vốn.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc:

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

- Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, trong việc quản lý vốn chủ sở hữu và vốn nhân rồi.
- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình. Được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Tham dự, thảo luận và đóng góp ý kiến vào các nội dung cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban giám đốc.

3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Nhằm đảm bảo chiến lược phát triển bền vững, Công ty cần tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách, tiết kiệm chi phí, bảo đảm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý công nợ. Đôn đốc, quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ phải thu, không để phát sinh nợ phải thu quá hạn.

Phần 3: Kế hoạch nhiệm vụ năm 2021

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, Ban kiểm soát đã đề ra kế hoạch nhiệm vụ năm 2021, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty; các Văn bản của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty PTSC có liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, hàng năm của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

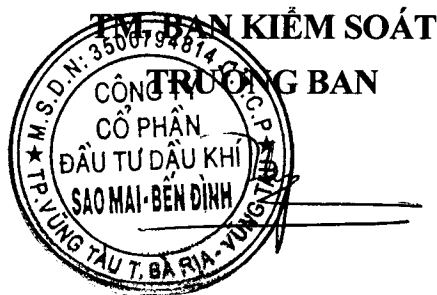
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Giám sát, đánh giá về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm [50%] trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba [03] năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Thực hiện các công tác khác của Ban kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2021.

Trên đây là báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát trong năm 2020, kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty PVSB xin trân trọng báo cáo với Đại hội.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD Cty;
- Lưu Văn thư, NVL.



Đính kèm:

- Phụ lục 01: Thống kê tham dự họp của thành viên BKS
- Phụ lục 02: Thù lao và lợi ích của thành viên BKS
- Phụ lục 03: Báo cáo kết quả hoạt động của thành viên BKS
- Phụ lục 04: Quy chế hoạt động của BKS

Ngô Văn Lập

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

PHỤ LỤC 01
THÔNG KÊ THAM DỰ HỌP CỦA CÁC THÀNH VIÊN NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 140 /BC-BKS ngày 11/03/2021)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi tham dự họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Ngô Văn Lập	Trưởng ban chuyên trách	06/04/2012 (bầu lần đầu) 30/03/2017 (bầu lại)	4	100%	
02	Ông Châu Hoài Thanh	Thành viên kiêm nhiệm	06/04/2012 (bầu lần đầu) 30/03/2017 (bầu lại)	1	25%	Miễn nhiệm ngày 05/06/2020
03	Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên kiêm nhiệm	05/06/2020 (bầu lần đầu)	3	75%	Bầu lần đầu ngày 05/06/2020
04	Bà Đinh Thị Ngọc Thanh	Thành viên kiêm nhiệm	08/11/2017 (bầu lần đầu)	4	100%	

PVSĐ-DŌC-WI01-FM10 11/01/2016

PHỤ LỤC 02
THU LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 140/BC-BKS ngày 11/03/2021)

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Thu lao và lợi ích khác sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
01	Ông Ngô Văn Lập	Trưởng ban Chuyên trách	12 tháng	344.530.212đ	
02	Ông Châu Hoài Thanh	Thành viên Kiêm nhiệm	5 tháng	9.000.000đ	
03	Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên Kiêm nhiệm	7 tháng	7.200.000đ	Theo quy định của PTSC
04	Bà Đinh Thị Ngọc Thanh	Thành viên Kiêm nhiệm	12 tháng	21.600.000đ	



PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

PHỤ LỤC 03: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
của từng Thành viên Ban kiểm soát năm 2020
(Kèm theo Báo cáo số 140 /BC-BKS ngày 11 /03/2021)

I. Các hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- Trong năm 2020, các Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng các quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng Luật Doanh nghiệp.
- Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2020, các Thành viên Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty SMBĐ.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát có 4 cuộc họp (tỷ lệ tham dự 100%) để tổng kết hoạt động trong kỳ, đề ra kế hoạch, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kỳ tới. Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có sự nhất trí, đồng thuận cao giữa các Thành viên.

II. Các hoạt động theo lĩnh vực được phân công:

Trong năm 2020, các Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

1. Ông Ngô Văn Lập – Trưởng Ban kiểm soát

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên Ban kiểm soát;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm; Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định;
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát quý, năm và tổ chức triển khai thực hiện; Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Ông Châu Hoài Thanh – Thành viên Ban kiểm soát

- Đã tham gia 1 cuộc họp (tỷ lệ 25%) do đến ngày 05/06/2020 Ông Châu Hoài Thanh được miễn nhiệm theo Nghị quyết số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông;

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Ông Phạm Văn Tiến – Thành viên Ban kiểm soát

- Đã tham gia 3 cuộc họp (tỷ lệ 75%) do đến ngày 05/06/2020 Ông Phạm Văn Tiến được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4. Bà Đinh Thị Ngọc Thanh – Thành viên Ban kiểm soát

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

PVSB-DOC-WI01-FM10 11/01/2016

Tp. Vũng Tàu, ngày tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 04 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
3. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
4. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
5. BKS: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
6. Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
7. Cổ đông: Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
8. Luật doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Chương II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba [03] Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm [05] năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp các Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà các Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi các Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác];
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba [03] năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, các Kiểm soát viên của công ty đại chúng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.



Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. [Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác], việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. [Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác], việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai [02] ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu [06] tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười [10] ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm [15] ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty. Điều lệ Công ty quy định việc quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

31
Y
N
JK
DIN
RIA

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác].
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.



Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai [02] lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba [2/3] số Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm [50%] trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba [03] năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người

điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cổ đông.

8. Báo cáo kết quả đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty.

9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

[Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm [10%] vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày có sửa

đôi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm [50%] trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình bao gồm bảy [7] chương, hai mươi ba [23] điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm 2021.

Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số: 141 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Vũng Tàu, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình,

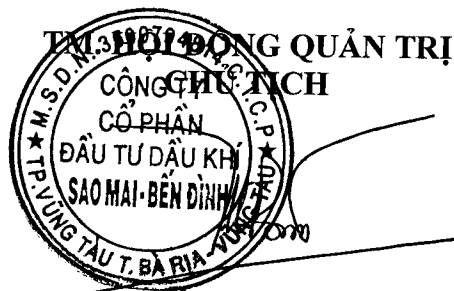
Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình kính trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua nội dung sau:

Thông qua báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO (nội dung như báo cáo đính kèm).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Ban TCĐHCD, Ban RT Website;
- Lưu VT, NTH.



Trần Hải Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

11/05/08

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phùng Như Dũng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
Số 65A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Phùng Như Dũng
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021

51
NI
HỘI
ĐỒNG
KIỂM
VỊ
NH

71
G
PH
D
B
B



SỐ: 039/VACO/BCKIT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 31 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, đã trình bày việc Công ty không ghi nhận khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến nay, vì Công ty cho rằng dự án Cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt được hưởng ưu đãi theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 ("Nghị định 46") và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 ("Nghị định 118") do Chính phủ ban hành nên Công ty sẽ được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 9 tháng 4 năm 2020 đưa ra ý kiến ngoại trừ do Công ty chưa trích lập đủ dự phòng phải thu, chưa ghi nhận khoản chi phí phạt do giao hàng chậm cho Liên doanh Việt Nga Vietsopetro và đoạn nhấn mạnh liên quan đến việc Công ty không trích lập dự phòng cho khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất phải nộp. Các vấn đề ngoại trừ đã được xử lý trong năm 2020, không còn ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vấn đề cần nhấn mạnh tiếp tục được đề cập trong báo cáo tài chính này như mô tả trên đây.



Chữ ký và đóng dấu
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**
Tp. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		492.046.108.002	487.534.940.669
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53.140.405.601	79.174.083.567
1. Tiền	111		53.140.405.601	79.174.083.567
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		397.000.000.000	367.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	397.000.000.000	367.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.823.546.782	34.861.928.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.990.601.671	39.935.127.857
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		387.233.679	1.696.466.674
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.977.630.162	6.762.252.634
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140		11.054.042.537	512.014.874
1. Hàng tồn kho	141	9	11.054.042.537	512.014.874
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.028.113.082	5.986.913.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	421.899.216	339.167.948
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.321.628.279	5.433.866.485
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	284.585.587	213.879.360
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.911.837.973	281.638.440.721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		75.155.639.193	80.939.341.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	75.155.639.193	80.939.341.358
- Nguyên giá	222		115.077.169.922	115.354.222.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.921.530.729)	(34.414.881.564)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	178.600.776.483	183.336.048.339
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(50.680.009.971)	(45.944.738.115)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.163.714.381	16.168.416.172
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	33.163.714.381	16.168.416.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	10.530.000.000	10.530.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.988.707.916	1.191.634.852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.988.707.916	1.191.634.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		780.957.945.975	769.173.381.390

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		227.795.819.723	218.469.480.109
I. Nợ ngắn hạn	310		27.031.856.256	13.316.035.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.095.889.787	1.702.185.231
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	16.048.295	-
3. Phải trả người lao động	314		1.931.249.094	441.874.031
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		249.758.125	1.472.538.039
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	5.203.799.784	5.203.799.784
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.960.148.225	3.962.010.115
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		574.962.946	533.628.214
II. Nợ dài hạn	330		200.763.963.467	205.153.444.695
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		127.030.620	199.903.984
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	191.071.963.496	196.275.763.280
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	9.488.778.875	8.601.586.955
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		553.162.126.252	550.703.901.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	553.162.126.252	550.703.901.281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.810.733.283	6.352.508.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.311.173.580	5.939.160.997
- LNST chưa phân phối trong năm	421b		2.499.559.703	413.347.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		769.173.381.390	769.173.381.390


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh VI
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021



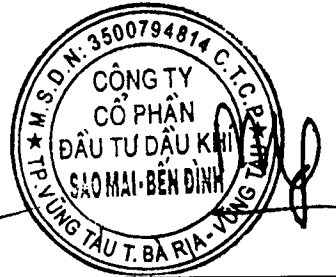
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	172.412.455.372	181.403.172.972
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		172.412.455.372	181.403.172.972
3. Giá vốn hàng bán	11	24	165.180.227.725	177.061.750.310
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.232.227.647	4.341.422.662
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.537.662.767	24.690.248.386
6. Chi phí tài chính	22		-	16.588.068
7. Chi phí bán hàng	25	27	1.557.560.717	2.493.595.076
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	25.947.907.687	26.282.624.532
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		4.264.422.010	238.863.372
10. Thu nhập khác	31		7.303.735	1.392.951.257
11. Chi phí khác	32		1.104.731.117	331.275.394
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.097.427.382)	1.061.675.863
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.166.994.628	1.300.539.235
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	(219.756.995)	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		2.499.559.703	413.347.315
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	50	7

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh VI
Kế toán trưởng




Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

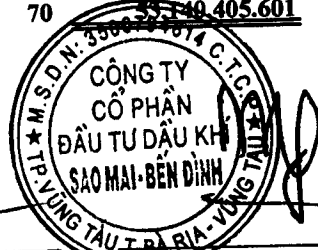
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.166.994.628	1.300.539.235
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.518.974.021	11.437.574.537
- Các khoản dự phòng	03	-	1.014.893.904
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.410.692)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.526.316.970)	(24.911.157.477)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.854.759.013)	(11.158.149.801)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.254.527.416	(1.095.632.290)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.542.027.663)	5.219.268.735
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.327.106.735	(7.515.776.284)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(879.804.332)	(628.816.764)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(219.756.995)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.309.232.995	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(15.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.385.723.862)	(15.414.363.399)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.995.298.209)	(3.163.469.152)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	220.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(280.000.000.000)	(227.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250.000.000.000	262.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.332.933.413	25.620.919.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.662.364.796)	57.678.359.560
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(26.048.088.658)	42.263.996.161
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.174.083.567	36.910.087.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.410.692	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	57.536.405.601	79.174.083.567


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh VI
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 11 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 81 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 81 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí.
- Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu.
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu.
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là các thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công bố.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-07
Máy móc, thiết bị	07-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05-40

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và tài sản khác; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, cài tạo nhà máy. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	101.115.643	81.482.571
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.039.289.958	79.092.600.996
Cộng	53.140.405.601	79.174.083.567

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Tiền gửi có kỳ hạn	397.000.000.000	397.000.000.000	367.000.000.000	367.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Vũng Tàu	95.000.000.000	95.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vũng Tàu - Côn Đảo	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN. Vũng Tàu	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN. Bà Rịa Vũng Tàu	75.000.000.000	75.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	125.000.000.000	125.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Cầu Giấy - PGD Nguyễn Thị Định	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Các ngân hàng khác	25.000.000.000	25.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào đơn vị khác	10.530.000.000	(10.530.000.000)	(*)	10.530.000.000	(10.530.000.000)	(*)
Cộng	10.530.000.000	(10.530.000.000)	-	10.530.000.000	(10.530.000.000)	-

(a) Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại, kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 4,9% đến 6,7% năm.

(b) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Sopewaco. Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu từ các năm trước; do đó, Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.680.461.713	26.503.444.616
Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Công ty TNHH Hải Lưu	334.978.600	7.647.795.485
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	545.607.060	5.323.730.401
Khách hàng khác	267.957.323	-
b) Phải thu khách hàng các bên liên quan	12.310.139.958	13.431.683.241
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):		
- Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí	4.597.505.455	5.794.310.613
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	6.464.489.057	6.871.646
- Công ty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành & Bảo Dưỡng CT DK Biển PTSC (POS)	470.633.493	-
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	171.398.256	2.212.441.235
- Chi nhánh Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC	-	1.461.386.153
Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):		
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	606.113.697	3.669.873.594
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí Cộng	-	286.800.000
	26.990.601.671	39.935.127.857

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	9.977.630.162	6.762.252.634
Tạm ứng	125.520.799	215.095.097
Lãi dự thu	6.844.205.481	6.037.589.038
Phải thu khác bên liên quan - Thành viên PTSC:		
- Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí	-	117.168.204
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	80.904.771	-
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	2.921.593.111	-
Khác	5.406.000	392.400.295
b) Phải thu dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cộng	9.980.630.162	6.765.252.634

8. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm (Trình bày lại)</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	239.600.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	11.036.347.321	-	38.501.145	-
Hàng hóa	17.695.216	-	233.913.729	-
Cộng	11.054.042.537	-	512.014.874	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án “Chế tạo, Hạ thủy và Chằng buộc cho Cọc Sao Vàng CPP và Giàn đầu giếng Đại Nguyệt (WHP)”.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	421.899.216	339.167.948
Phí bảo hiểm, kiểm định	212.363.008	199.396.575
Chi phí khác	209.536.208	139.771.373
b) Dài hạn	1.988.707.916	1.191.634.852
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	231.288.961	163.948.752
Chi phí sửa chữa	424.857.920	667.005.826
Khác	1.332.561.035	360.680.274
Cộng	2.410.607.132	1.530.802.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp trong		Số đã thực nộp	Số cuối năm
	Số đầu năm	năm	trong năm	VND
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	213.879.360	108.917.751	179.623.978	284.585.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(219.756.995)	-	219.756.995
Thuế thu nhập cá nhân	149.050.768	327.674.746	178.623.978	-
Các loại thuế khác	64.828.592	1.000.000	1.000.000	64.828.592
b) Phải trả	-	184.121.722	168.073.427	16.048.295
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	137.779.683	137.779.683	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.293.744	27.293.744	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.048.295	-	16.048.295
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.728.065.904	1.940.606.000	3.450.460.524	390.667.605	101.844.422.889	115.354.222.922
- Giảm do thanh lý	-	(277.053.000)	-	-	-	(277.053.000)
Số dư cuối năm	<u>7.728.065.904</u>	<u>1.663.553.000</u>	<u>3.450.460.524</u>	<u>390.667.605</u>	<u>101.844.422.889</u>	<u>115.077.169.922</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.355.422.324	1.105.831.065	2.767.876.594	390.667.605	25.795.083.976	34.414.881.564
- Khấu hao trong năm	1.222.516.224	103.647.612	116.570.316	-	4.340.968.013	5.783.702.165
- Giảm do thanh lý	-	(277.053.000)	-	-	-	(277.053.000)
Số dư cuối năm	<u>5.577.938.548</u>	<u>932.425.677</u>	<u>2.884.446.910</u>	<u>390.667.605</u>	<u>30.136.051.989</u>	<u>39.921.530.729</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	<u>3.372.643.580</u>	<u>834.774.935</u>	<u>682.583.930</u>	<u>-</u>	<u>76.049.338.913</u>	<u>80.939.341.358</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.150.127.356</u>	<u>731.127.323</u>	<u>566.013.614</u>	<u>-</u>	<u>71.708.370.900</u>	<u>75.155.639.193</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 14.801.860.810 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.270.386.037 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Số dư cuối năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Số dư cuối năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 53.372.880 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Cơ sở hạ tầng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	229.280.786.454	229.280.786.454
Số dư cuối năm	229.280.786.454	229.280.786.454
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	45.944.738.115	45.944.738.115
- Khấu hao trong năm	4.735.271.856	4.735.271.856
Số dư cuối năm	50.680.009.971	50.680.009.971
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	183.336.048.339	183.336.048.339
Số dư cuối năm	178.600.776.483	178.600.776.483

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	<u>Nguyên giá</u> <u>đầu năm và cuối năm</u> VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
	<u>229.280.786.454</u>

- (i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 héc ta tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.
- (ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 héc ta tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	31.147.753.732	14.152.455.523
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	1.934.142.467	1.934.142.467
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Cộng	<u>33.163.714.381</u>	<u>16.168.416.172</u>

- (i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng, ...) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng diện tích 163 ha. Cho đến hiện nay UBND chỉ mới bàn giao đất giai đoạn 1 cho Công ty với diện tích 81.9 ha và chưa giao phần đất của giai đoạn 2.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

- (ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất được bán giao đợt 1 cho Công ty. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa triển khai đầu tư tiếp do chưa tìm các khách hàng tiềm năng có nhu cầu sử dụng dịch vụ kho bãi tại dự án. Công ty đang tiếp tục nỗ lực tìm kiếm khách hàng để khai thác đầu tư dự án.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.475.803.695	14.475.803.695	1.702.185.231	1.702.185.231
Công ty TNHH Hải Lưu	13.555.774.490	13.555.774.490	909.607.818	909.607.818
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Bắc Hải	434.009.895	434.009.895	445.802.500	445.802.500
Nhà cung cấp khác	486.019.310	486.019.310	346.774.913	346.774.913
b) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	620.086.092	620.086.092	-	-
Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí	349.822.252	349.822.252	-	-
Hàng hải PTSC (PTSC - M&C)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyards)	-	-	-	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí	270.263.840	270.263.840	-	-
Cộng	15.095.889.787	15.095.889.787	1.702.185.231	1.702.185.231

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu cho tổng thời gian thuê 48 năm, 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.203.799.784	5.203.799.784
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	2.186.441.697	2.186.441.697
b) Dài hạn	191.071.963.496	196.275.763.280
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	108.624.891.151	111.642.249.238
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	82.447.072.345	84.633.514.042

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.960.148.225	3.961.145.310
Khác	-	864.805
Cộng	3.960.148.225	3.962.010.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Chênh lệch khấu hao
	VND
Số dư đầu năm trước	7.714.395.035
Ghi nhận lợi nhuận/(lỗ) trong năm	887.191.920
Số dư đầu năm nay	8.601.586.955
Ghi nhận lợi nhuận/(lỗ) trong năm	887.191.920
Số dư cuối kỳ	<u>9.488.778.875</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước đã phát hành	500.000.000.000	44.351.392.969	16.512.346.479	560.863.739.448
Điều chỉnh hồi tố	-	-	(10.487.237.016)	(10.487.237.016)
Số dư đầu năm trước sau điều chỉnh hồi tố	500.000.000.000	44.351.392.969	6.025.109.463	550.376.502.432
Lãi trong năm	-	-	413.347.315	413.347.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(85.948.466)	(85.948.466)
Số dư đầu năm nay	<u>500.000.000.000</u>	<u>44.351.392.969</u>	<u>6.352.508.312</u>	<u>550.703.901.281</u>
Lãi trong năm	-	-	2.499.559.703	2.499.559.703
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(41.334.732)	(41.334.732)
Số dư cuối năm	<u>500.000.000.000</u>	<u>44.351.392.969</u>	<u>8.810.733.283</u>	<u>553.162.126.252</u>

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh	65.081.000.000	13%	65.081.000.000	13%
Các cổ đông khác	179.919.000.000	36%	179.919.000.000	36%
Cộng	<u>500.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	10.656,88	115.904,94

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 31/12/2020	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		
Tài sản bộ phận	291.837.097.986	25.558.421.663	-	317.395.519.649
Tài sản không phân bổ				463.562.426.331
Tổng tài sản				780.957.945.980
Nợ phải trả bộ phận	205.929.785.370	15.307.435.317	-	221.237.220.687
Nợ phải trả không phân bổ				6.558.599.036
Tổng nợ phải trả				227.795.819.723
Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí				
Tại ngày 31/12/2019	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
(Trình bày lại)	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		
Tài sản bộ phận	286.893.290.424	17.772.850.755	7.647.795.485	312.313.936.664
(Trình bày lại)				
Tài sản không phân bổ				456.859.444.726
Tổng tài sản				769.173.381.390
Nợ phải trả bộ phận	210.222.868.996	3.232.908.277	-	213.455.777.273
Nợ phải trả không phân bổ				5.013.702.836
Tổng nợ phải trả				218.469.480.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2020	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.495.041.359	57.606.394.496	93.311.019.517	172.412.455.372
Giá vốn	18.730.446.002	53.394.603.388	93.055.178.335	165.180.227.725
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.764.595.357	4.211.791.108	255.841.182	7.232.227.647
Chi phí không phân bổ				(27.505.468.404)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(20.273.240.757)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				24.537.662.767
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				4.264.422.010
Lợi nhuận khác				(1.097.427.382)
Lợi nhuận trước thuế				3.166.994.628
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				219.756.995
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				<u>2.499.559.703</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>10.518.974.021</u>

Năm 2019	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công	doanh hàng hóa	
	VND	trình phục vụ	VND	VND
		ngành dầu khí		VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.438.198.120	93.449.416.442	73.515.558.320	181.403.172.882
Giá vốn	12.240.651.364	91.501.650.315	73.319.448.541	177.061.750.220
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.197.546.756	1.947.766.127	196.109.779	4.341.422.662
Chi phí không phân bổ				(28.776.219.608)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(24.434.796.946)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				24.690.248.386
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				255.451.440
Lợi nhuận khác				1.061.675.863
Chi phí tài chính				(16.588.068)
Lợi nhuận trước thuế				1.300.539.235
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				<u>413.347.315</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>11.437.574.537</u>

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	7.070.571.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.845.300.316	84.888.863.088
Doanh thu bán hàng hóa	100.496.583.272	91.310.510.100
Cộng	172.412.455.372	181.403.172.972

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	5.692.495.956	4.735.271.856
Giá vốn cung cấp dịch vụ	59.628.671.686	81.558.649.351
Giá vốn bán hàng hóa	99.859.060.083	90.767.829.103
Cộng	165.180.227.725	177.061.750.310

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.677.300.024	4.528.575.090
Chi phí nhân công	50.145.062.834	41.246.521.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.518.974.021	11.437.574.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.844.342.922	47.299.034.189
Chi phí khác	5.064.199.727	6.105.653.304
Cộng	104.249.879.528	110.617.358.447

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	24.526.316.970	24.690.248.386
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.345.797	-
Cộng	24.537.662.767	24.690.248.386

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.557.560.717	2.493.595.076
Cộng	1.557.560.717	2.493.595.076
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	13.585.003.450	11.506.113.201
Các loại bảo hiểm theo lương	2.554.926.151	2.466.161.094
Chi phí vật liệu quản lý	925.994.530	1.047.809.155
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.479.595.424	3.098.332.031
Chi phí dự phòng	-	1.014.893.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.114.750.782	2.468.338.757
Các khoản chi phí QLDN khác	4.287.637.350	4.680.976.390
Cộng	25.947.907.687	26.282.624.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.166.994.628	1.300.539.235
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.673.734.153)	(1.657.265.211)
Trừ thu nhập không tính thuế	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- Chênh lệch khấu hao	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	1.762.225.447	2.778.694.389
Thu nhập chịu thuế	493.260.475	(356.725.976)
Chuyển lỗ	(493.260.475)	-
Thu nhập tính thuế	-	(356.725.976)
Trong đó:		
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Giảm chi phí thuế TNDN năm trước do điều chỉnh quyết toán	(219.756.995)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(219.756.995)	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 2.649.902.076 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đạo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ (VND)	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2020	Số lỗ còn được chuyển	Tình hình quyết toán thuế
2016	868.295.982	2017 - 2021	846.019.008	22.276.974	Đã quyết toán
2017	2.270.899.126	2018 - 2022	-	2.270.899.126	Đã quyết toán
2019	356.725.976	2020 - 2024	-	356.725.976	Chưa quyết toán
				2.649.902.076	

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	2.499.559.703	413.347.315
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(41.334.732)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.499.559.703	372.012.583
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	7

(*) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính ("Thông tư 200"), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2020, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 41.334.732 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 6 năm 2020. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	593.100.000	991.830.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	18.979.200.000	19.522.875.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² (tại 31/12/2019 là 5.000 m²) tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

31. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình (SM-BĐ) được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 ("Nghị định 118"). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 ("Nghị định 46"), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018).

Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền thuê đất theo các thông báo của Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến nay trên báo cáo tài chính các năm tương ứng. Trên cơ sở các văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn mới đây số 362/SKHĐT-ĐT ngày 8 tháng 02 năm 2021; Công ty đánh giá và xác định rằng dự án cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118 nên sẽ được tiếp tục miễn tiền thuê đất theo Nghị định 46.

11/02/21
C
THÀNH
TRÁCH
NHỮNG
4.
T
IA
DÀI
BẾN
BÀ F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC	PTSC - Ban xây dựng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard PTSC - POS	Thành viên PTSC Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC		Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Doanh thu</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	1.038.576.788	237.642.134
PTSC - M&C	40.620.699.488	55.702.958.977
PTSC - Ban xây dựng	60.583.769	857.089.138
PV Shipard	16.072.971.895	15.978.550.132
PTSC - POS	2.883.166.630	5.227.928.000
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	5.002.784.351	3.243.918.985
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	36.851.691	10.981.927
PTSC - M&C	361.020.229	180.298.565
PTSC - SB	246.994.400	302.138.950
PTSC - Đà Nẵng		17.954.545
PV Shipyard	895.401.096	8.881.257.604
Các thành viên thuộc PVN		
PVN	12.386.088	-
PVS - MS	2.008.981.611	139.573.979
PV Gas South	93.055.178.335	73.319.448.541
PVI Vũng Tàu	353.710.457	359.649.594
PSI	-	10.000.000
PVI South	-	26.336.703

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập	2.687.648.365	1.679.758.975
	<u>2.687.648.365</u>	<u>1.679.758.975</u>

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 6.844.205.481 VND (năm 2019: 6.037.589.038 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nhưng đã bao gồm 6.037.589.038 VND là lãi tiền gửi dự thu năm trước nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại cho mục đích so sánh, cụ thể như sau:

		Số đầu năm (tại ngày 01/01/2020)				
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú	
		VND	VND	VND		
1/ Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán						
Tài sản						
1. Dự phòng phải thu khó đòi	137	(3.044.681.714)	(13.531.918.730)	(10.487.237.016)	(i)	
Nguồn vốn						
1. LNST chưa phân phối	421	16.839.745.328	6.352.508.312	10.487.237.016	(i)	
		Năm 2019		Năm 2018		
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú	
		VND	VND	VND	VND	
2/ Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	137	26.282.624.532	26.282.624.532	-	27.828.712.060	38.315.949.076 (10.487.237.016) (i)
2. Lợi nhuận sau thuế	132	413.347.315	413.347.315	-	781.349.689	(9.705.887.327) 10.487.237.016 (i)

- (i) Điều chỉnh hồi tố ghi tăng chỉ tiêu "Chi phí Quản lý doanh nghiệp"; ghi tăng chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" về thời điểm lập báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với khoản nợ Công ty phải thu Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn không có khả năng thu hồi do:
- Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn (Sofel) đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành quyết định mở thủ tục phá sản theo Quyết định số 03/2018/QĐ-MTTPS ngày 12 tháng 9 năm 2018.,
 - Theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng đối với "các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh", khoản nợ phải thu Sofel đã đủ điều kiện trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% số dư nợ phải thu;
 - Theo Nghị quyết số 109/NG-HĐQT của Hội đồng Quản trị về việc đồng ý tạm thời cho phép Ban Giám đốc thực hiện theo phương án điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính liên quan đến khoản công nợ phải thu khó đòi của Sofel.

Do đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Sofel và hồi tố lại báo cáo của các năm 2018. Chi tiết số liệu dự phòng phải thu khó đòi được trích lập qua các năm như sau:

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng lũy kế
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	12.517.024.826	13.014.893.904	-	13.531.918.730

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh VI
Kế toán trưởng

Phùng Như Dũng
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2021;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và kế hoạch kiểm toán;
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Đề xuất lựa chọn:

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm và soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Ban TCDHCD, Ban BT Website;
- Lưu VT, NTH.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số : 145 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Vũng Tàu, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình,

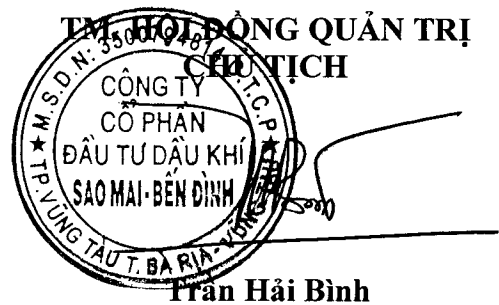
Để phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết:

Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (nội dung như Dự thảo đính kèm) thay thế cho điều lệ Công ty ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Ban TCĐHCD, Ban BT Website;
- Lưu VT, NTH.



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty tổ chức chính thức vào ngày 24 tháng 04 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung lần 1 theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 24 tháng 04 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung lần 2 theo Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 22 tháng 04 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung lần 3 theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 30 tháng 09 năm 2010; được sửa đổi, bổ sung lần 4 theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 20 tháng 05 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung lần 5 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 06 tháng 04 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung lần 6 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 28/03/2013, được sửa đổi, bổ sung lần 7 theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ-SMBĐ ngày 23/03/2014, được sửa đổi, bổ sung lần 8 theo Nghị quyết số 53/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2015, được sửa đổi bổ sung lần 9 theo Nghị quyết số 39/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2016, được sửa đổi bổ sung lần 10 theo Nghị quyết số 55/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2017, được sửa đổi bổ sung lần 11 theo Nghị quyết số 157/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/11/2017, được sửa đổi bổ sung lần 12 theo Nghị quyết số 47/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2018, được sửa đổi bổ sung lần 13 theo Nghị quyết số 47/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình, được sửa đổi bổ sung lần 14 theo Nghị quyết số/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình,

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

- Tên Công ty viết tắt: PVSb

- Logo của Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại: (84).254.3628188
- Fax: (84).254.3628189
- E-mail: saomaibendinh@pvsb.com.vn
- Website: <http://www.pvsb.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

6. Công ty là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty").

Công ty có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tổng công ty theo quy định của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

Tổng công ty có các quyền, nghĩa vụ của công ty mẹ, cổ đông đối với Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35 KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai-Bến Đình, cụm cảng

	container; Cho thuê kho bãi;
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Kinh doanh khai thác cảng biển (Vận hành khai thác cảng)
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi;
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi; Sửa chữa container; Sản xuất container;
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường biển;
5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, hàng hải;
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng bằng đường bộ, dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê container;
7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê các phương tiện vận tải;
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
5224	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông
7820	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, sợi, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường;

	Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
4100	Xây dựng nhà các loại
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu-khí-nhiên liệu; xây dựng cảng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước ; Xây dựng trạm bơm ; Xây dựng công trình đường ống dẫn xăng dầu, chất lỏng ;

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Thu lợi nhuận tối đa;
- b) Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông;
- c) Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;
- d) Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- e) Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ

đồng, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Quyết định việc phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Quyết định đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- j) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

- n) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan (theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp) sau đây :
 - i Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - ii Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- o Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên ;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại phải tuân thủ quy định pháp luật dân sự.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự

hợp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. Tỷ lệ cụ thể quy định tại Điều lệ này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối

với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu

trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% số cổ phần phổ thông được đề cử 01 ứng viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% số cổ phần phổ thông được đề cử 02 ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% số cổ phần phổ thông được đề cử 03 ứng viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử đủ số ứng viên;

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
6. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng, Hội đồng quản trị quyết định dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ hai mươi (20) tỷ đồng nhưng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

g) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 5% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; trừ quyết định liên quan đến đầu tư - xây dựng đã quy định ở khoản e Điều này.

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Hợp đồng mua, bán, và các hợp đồng, giao dịch khác trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng thực hiện theo giá trị quy định ở điểm e khoản này và các quy định pháp luật liên quan.

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những

trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định các khoản đầu tư, hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng, Giám đốc quyết định dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới hai mươi (20) tỷ đồng.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử, bầu cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử

theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt : danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên

bản hợp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 13 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- b) 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- c) 01 bản nộp Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- d) 01 bản nộp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh;
- e) 01 bản nộp Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tư vấn Tương Lai;
- f) 04 bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chữ Ký
	Phùng Như Dũng	Giám đốc	

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử, bầu cử Kiểm soát viên (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số : 146 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Vũng Tàu, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình,

Để phù hợp và tuân thủ Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

1. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (nội dung như Dự thảo đính kèm).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty được phép chủ động sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Ban TCDHCD, Ban BT Website;
- Lưu VT, NTH.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI – BẾN ĐÌNH

Số: /QĐ – ĐHĐCĐ-SMBĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Vũng Tàu, ngày tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày /04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/QĐ -SMBĐ ngày 09/07/2007 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng các Phòng/Ban chức năng, Người đại diện của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, Ban KS;
- Lưu: VT.

Trần Hải Bình

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SMBĐ-ĐHĐCD ngày /04/2021)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động, trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (HĐQT) để thực hiện chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định hiện hành của pháp luật.
2. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HĐQT, đối với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ, nhân viên có liên quan của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, điều phối của Chủ tịch HĐQT.
2. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, ĐHĐCD và trước pháp luật về mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Công ty, trừ thành viên HĐQT đã không tham gia biểu quyết hoặc biểu quyết không thông qua hoặc bảo lưu ý kiến đối với nghị quyết và/hoặc quyết định đó.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích của Công ty.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Hội đồng Quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên là thành viên không điều hành.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty, Người công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh

quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản nội bộ về tổ chức, quản trị, điều hành, quản lý và kiểm soát rủi ro...nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được quản lý, kiểm soát đầy đủ, an toàn và đạt hiệu quả cao.
- c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng, Hội đồng quản trị quyết định dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ hai mươi (20) tỷ đồng nhưng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- h) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 5% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; trừ quyết định liên quan đến đầu tư - xây dựng đã quy định ở khoản e Điều này
- i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Hợp đồng mua, bán, và các hợp đồng, giao dịch khác trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng thực hiện theo giá trị quy định ở điểm h khoản này và các quy định pháp luật liên quan.;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích

khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng

thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Lấy ý kiến bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
3. Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên HĐQT hoặc gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức thư bảo đảm. Căn cứ ý kiến của thành viên HĐQT gửi qua thư điện tử hoặc gửi thư bảo đảm có giá trị để Chủ tịch HĐQT ra quyết định/ngợi quyết. Các thành viên HĐQT phải ký vào phiếu lấy ý kiến gửi về Thư ký HĐQT theo đúng quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì phiếu lấy ý kiến đó coi như các thành viên không có ý kiến. Ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
4. Thư ký HĐQT thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.
5. Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết/quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

9. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc và/hoặc Bộ phận có liên quan báo cáo bổ sung thông tin, giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung xin ý kiến. Việc báo cáo, giải trình phải được lập thành văn bản do cấp ký báo cáo trình HĐQT ký.

CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mọi quan hệ với ban điều hành

1. HĐQT bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
3. Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng, quý, năm Giám đốc báo cáo bằng văn bản hoặc chỉ đạo Bộ phận liên quan gửi báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty cho HĐQT. Trong trường hợp đặc biệt, Giám đốc có thể báo cáo nhanh HĐQT về các vấn đề cấp bách cần giải quyết hoặc chưa có trong chương trình công tác của HĐQT
4. Giám đốc đầu mối chỉ đạo, quản lý, phối hợp xử lý, theo dõi các thông tin gửi đến Người đại diện vốn Tổng Công ty, HĐQT, các nội dung, công việc ngoài hoặc trên thẩm quyền của Giám đốc và hỗ trợ, đôn đốc Bộ phận liên quan xử lý các thông tin, công việc đạt tiến độ, yêu cầu, tránh bỏ sót hoặc chậm tiến độ công việc.
5. Các thông tin, công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những thông tin, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.
6. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì.
7. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Giám đốc hoặc Người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp khác có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).
8. Ban Điều hành và người quản lý Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
9. Trong trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Điều hành và người quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc, lĩnh vực đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình

đăng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình bao gồm 07 (bảy) chương, 24 (hai mươi bốn) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Hải Bình

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số : 147 /TTr-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Vũng Tàu, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc **Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình,

Để phù hợp và tuân thủ Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

1. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (nội dung như Dự thảo đính kèm).
2. Ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty được phép chủ động sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Ban TCDHCD, Ban BT Website;
- Lưu VT, NTH.



Tp. Vũng Tàu, ngày tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 04 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
3. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
4. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
5. BKS: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
6. Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
7. Cổ đông: Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
8. Luật doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Chương II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên trong Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba [03] Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm [05] năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp các Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà các Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi các Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác];
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba [03] năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, các Kiểm soát viên của công ty đại chúng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. [Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác], việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. [Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác], việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai [02] ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu [06] tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười [10] ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm [15] ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty. Điều lệ Công ty quy định việc quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai [02] lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba [2/3] số Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm [50%] trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba [03] năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người

điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cổ đông.

8. Báo cáo kết quả đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty.

9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

[Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm [10%] vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày có sửa

đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm [50%] trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Kiểm soát viên.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình bao gồm bảy [7] chương, hai mươi ba [23] điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 04 năm 2021.

Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)